

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

TÊN NHIỆM VỤ:

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ
CÔNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA
TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP SỬ
DỤNG HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG CHO TĂNG
TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

MÃ SỐ: 04-05-2023

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Võ Cao Thị Mộng Hoài

Bình Định, tháng 03 năm 2025

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

TÊN NHIỆM VỤ:

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ
CÔNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA
TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP SỬ
DỤNG HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG CHO TĂNG
TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

MÃ SỐ: 04-05-2023

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Võ Cao Thị Mộng Hoài

Bình Định, ngày tháng năm 2025
Chủ nhiệm nhiệm vụ

Bình Định, ngày tháng năm 2025
Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu

Bình Định, ngày tháng năm 2025
Cơ quan chủ trì nhiệm vụ

Bình Định, ngày tháng năm 2025
Cơ quan quản lý nhiệm vụ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	3
1.1.1. Kết quả nghiên cứu tác động của ĐTC tới tăng trưởng sản lượng	3
1.1.2. Kết quả nghiên cứu tác động của ĐTC tới đầu tư tư nhân	3
1.1.3. Kết quả nghiên cứu tác động của ĐTC tới năng suất tổng hợp (TFP).....	3
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	4
2.1. Phương pháp nghiên cứu	4
2.1.1. Cách tiếp cận.....	4
2.1.2. Phương pháp thu thập số liệu.....	4
2.1.3. Phương pháp phân tích tác động.....	4
2.2. Nội dung nghiên cứu	5
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	6
3.1. Tình hình chung của tỉnh Bình Định	6
3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội và điều kiện hạ tầng của tỉnh Bình Định	6
3.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Bình Định	6
3.1.1.2. Đặc điểm xã hội của tỉnh Bình Định.....	6
3.1.2. Tình hình kinh tế của tỉnh Bình Định	6
3.1.2.1. Tổng quan tình hình phát triển của tỉnh Bình Định	6
3.1.2.2. Các động lực phát triển của tỉnh Bình Định	7
3.1.2.3. Cách thức phân bổ nguồn lực phát triển kinh tế của tỉnh Bình Định.....	8
3.1.3. Tình hình đầu tư công trong nền kinh tế tỉnh Bình Định.....	8
3.1.4. Đầu tư tư nhân trong nền kinh tế tỉnh Bình Định	10
3.2. Phân tích tác động của đầu tư công tới đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định	12
3.2.1. Phân tích tác động của Đầu tư công tới tăng trưởng sản lượng của tỉnh Bình Định	12
3.2.1.1. Đánh giá tác động của Đầu tư công tới gia tăng sản lượng - GRDP của tỉnh Bình Định.....	12
3.2.1.2. Đánh giá tác động của ĐTC tới sản lượng của khu vực tư nhân.....	14
3.2.2. Phân tích tác động của Đầu tư công tới đầu tư tư nhân	15
3.2.2.1. Kết quả Phân tích tác động của Đầu tư công tới đầu tư tư nhân.....	15
3.2.2.2. Đánh giá quyết định của các nhà đầu tư tư nhân vào nền kinh tế dưới tác động đầu tư công	17
3.2.3. Phân tích tác động của đầu tư công tới năng suất tổng hợp – TFP của tỉnh Bình Định .	18
3.2.3.1. Tình hình năng suất tổng hợp – TFP của tỉnh.....	18

3.2.3.2. Đánh giá tác động của ĐTC tới TFP của tỉnh Bình Định.....	18
3.2.3.3. Đánh giá tác động của Đầu tư công tới TFP của khu vực tư nhân tỉnh Bình Định	20
3.3. Các giải pháp sử dụng đầu tư công khuyến khích đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định giai đoạn 2025-2030	21
3.3.1. Bối cảnh kinh tế và dự báo nhu cầu đầu tư tỉnh Bình Định.....	21
3.3.2. Các giải pháp sử dụng đầu tư công khuyến khích đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định	23
3.3.2.1. Giải pháp tái cơ cấu đầu tư công	23
3.3.2.2. Cải cách quản lý và định hướng đầu tư công	24
3.3.2.3. Sử dụng để cải thiện môi trường kinh doanh	25
3.3.2.4. Phát triển cơ sở hạ tầng	26
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	32

MỞ ĐẦU

Đầu tư luôn là yếu tố cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển, điều này đã được xác nhận trong mọi lý thuyết về tăng trưởng kinh tế. Trong nền kinh tế, đầu tư có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau như đầu tư công, đầu tư tư nhân, và đầu tư nước ngoài, mỗi nguồn đều có thể mạnh riêng. Tuy nhiên, quan trọng nhất là nền kinh tế cần huy động tối đa các nguồn lực này để thúc đẩy tăng trưởng. Đầu tư công đóng vai trò quan trọng, mặc dù nguồn lực này thường bị giới hạn do hạn chế về ngân sách. Tuy nhiên, nếu nhà nước quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư tư nhân, điều này sẽ giúp khai thác tiềm năng của các nhà đầu tư tư nhân, tạo ra tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế.

Trong những năm qua, đầu tư đã liên tục gia tăng, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định. Từ năm 2005 đến 2023, quy mô kinh tế (GRDP) của tỉnh liên tục mở rộng, đạt 117,667 nghìn tỷ đồng vào năm 2023, tăng 11,43 lần so với năm 2005 và gần 4,4 lần so với năm 2010. Tỷ trọng kinh tế của Bình Định so với cả nước cũng có sự gia tăng nhẹ, từ 1,07% năm 2005 lên 1,1% năm 2023. So với các tỉnh trong khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Bình Định xếp thứ 7/14 tỉnh vào năm 2010, thứ 5/14 vào năm 2020, và thứ 6/14 vào năm 2023.

Quy mô đầu tư tại Bình Định cũng tăng mạnh qua các năm. Tổng vốn đầu tư, theo giá hiện hành, tăng từ 10.194 tỷ đồng năm 2010 lên 51.676 tỷ đồng năm 2023, tăng 4,6 lần. Theo giá so sánh năm 2010, tổng vốn đầu tư năm 2023 đạt 33.555 tỷ đồng, với tỷ lệ tăng trưởng không đều, cao nhất là 19,5% vào năm 2015 và thấp nhất là 4,4% vào năm 2013, trung bình là 9,6%.

Theo giá hiện hành, vốn đầu tư công (ĐTC) của tỉnh năm 2010 là 2.944 tỷ đồng (chiếm 28,9%), năm 2015 là 7.424 tỷ đồng (31,7%), năm 2020 là 14.572 tỷ đồng (38%), năm 2022 là 16.588 tỷ đồng (35,4%), và năm 2023 là 16.455,4 tỷ đồng (31,8%). Tỷ trọng ĐTC trong tổng vốn đầu tư của tỉnh tăng từ gần 29% năm 2010 lên 31,7% năm 2015, đạt đỉnh 38% năm 2020, rồi giảm xuống 35,4% năm 2022 và 31,8% năm 2023, cho thấy ĐTC tăng nhanh hơn so với các nguồn đầu tư khác.

Báo cáo Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050 đặt mục tiêu phát triển để Bình Định trở thành tỉnh phát triển hàng đầu vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung vào năm 2030. Tỉnh sẽ là trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, du lịch và văn hóa phía Nam của vùng, là trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước và trọng điểm du lịch quốc gia và quốc tế với hệ thống hạ tầng kinh tế hiện đại, đồng bộ. Để đạt được mục tiêu này, Báo cáo dự kiến cần tổng vốn đầu tư khoảng 378 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025 và 422-472 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2026-2030.

Trong bối cảnh nguồn ngân sách nhà nước ngày càng hạn chế, việc sử dụng hiệu quả nguồn ĐTC là rất cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng thông qua các dự án công trọng điểm, đặc biệt là hạ tầng, và đồng thời kích thích đầu tư tư nhân, cải thiện năng suất tổng hợp (TFP) của tỉnh. Nói cách khác, cần có sự điều chỉnh chính sách để sử dụng ĐTC không chỉ

trực tiếp hỗ trợ tăng trưởng mà còn huy động và phát huy các nguồn lực khác, đặc biệt là đầu tư tư nhân.

Từ thực trạng nêu trên, việc “Nghiên cứu tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định và đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả đầu tư công cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định giai đoạn 2025 – 2030” rất cần thiết và mang ý nghĩa thực tiễn cao. Nghiên cứu này sẽ đánh giá được tác động của đầu tư công tới đầu tư của khu vực tư nhân, tăng trưởng GRDP và TFP của tỉnh Bình Định. Từ đó, đề xuất các chính sách cho chính quyền tỉnh Bình Định trong sử dụng đầu tư công khuyến khích đầu tư tư nhân cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Kết quả nghiên cứu tác động của ĐTC tới tăng trưởng sản lượng

Các nghiên cứu về tác động của đầu tư công (ĐTC) đến tăng trưởng kinh tế và đầu tư tư nhân (ĐTTN) cho thấy kết quả không đồng nhất. Makuyana (2018) và Makuyana & Odhiambo (2019) nhận thấy ở Zambia và Malawi, ĐTTN đóng góp nhiều hơn ĐTC vào tăng trưởng kinh tế, trong khi ĐTC lấn át ĐTTN, đặc biệt trong dài hạn. Shabbir et al. (2021) phát hiện rằng đầu tư trong nước có tác động tích cực đến tăng trưởng ở Pakistan, còn đầu tư nước ngoài thì không. Tại Algeria, Ramli et al. (2022) chỉ ra rằng ĐTC vào vốn nhân lực không có tác động dài hạn đến tăng trưởng. Ouédraogo et al. (2019) cho thấy ĐTC lấn át ĐTTN tại các quốc gia vùng cận Sahara. Tại Việt Nam, Nguyễn & Trinh (2018) và Bùi Quang Bình (2017) ghi nhận ĐTC thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, không lấn át ĐTTN trong ngắn hạn và đôi khi còn hỗ trợ ĐTTN. Nhìn chung, ĐTC có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, nhưng mối quan hệ với ĐTTN phụ thuộc vào phương thức quản lý và đặc điểm quốc gia, với các mô hình phổ biến như ARDL, OLS và 3SLS..

1.1.2. Kết quả nghiên cứu tác động của ĐTC tới đầu tư tư nhân

Các nghiên cứu về tác động của đầu tư công (ĐTC) đến đầu tư tư nhân (ĐTTN) mang lại kết quả không đồng nhất. Ouédraogo et al. (2019) chỉ ra rằng ĐTC lấn át ĐTTN tại vùng cận Sahara, đặc biệt ở các nước có khu vực tư nhân mạnh. Dash (2016) cho thấy tại Ấn Độ, ĐTC/GDP tăng 1% dẫn đến ĐTTN/GDP giảm 0,81% trong dài hạn. Trái lại, Bùi Quang Bình (2017) ghi nhận thấy tại Quảng Nam, ĐTC thúc đẩy ĐTTN. Nguyễn Thị Cảnh và cộng sự (2018) ghi nhận tại Việt Nam, ĐTC hỗ trợ ĐTTN và tăng trưởng GDP, nhưng đầu tư từ doanh nghiệp nhà nước thiếu hiệu quả. Các phương pháp như ARDL, FMOLS và VAR được sử dụng phổ biến.

1.1.3. Kết quả nghiên cứu tác động của ĐTC tới năng suất tổng hợp (TFP)

Các nghiên cứu về năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) cho thấy sự đa dạng trong không gian, thời gian và phương pháp phân tích. Malik et al. (2021) tại Ấn Độ sử dụng ARDL chỉ ra rằng lạm phát tác động tích cực đến TFP, trong khi chi tiêu công và thiên tai có tác động tiêu cực. Degu & Bekele (2019) tại Ethiopia ghi nhận FDI, chi tiêu công và hạn hán làm giảm TFP trong dài hạn. Tại Quảng Nam, Van (2022) phát hiện FDI, đầu tư trong nước, và xuất khẩu cải thiện TFP. Chen et al. (2008) tại Trung Quốc nhấn mạnh tiến bộ kỹ thuật từ đầu tư công vào R&D là nguồn chính của tăng trưởng TFP. Borkovic & Tabak (2018) cho thấy đầu tư công chủ yếu nâng cao TFP tại các công ty tư nhân ở Croatia. Tài (2017) tại Việt Nam chỉ ra rằng FDI và vốn con người hỗ trợ tăng trưởng TFP, trong khi chi tiêu công và khủng hoảng tài chính có tác động tiêu cực. Những nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của đầu tư công, FDI, và đổi mới trong thúc đẩy TFP, đồng thời gợi ý về việc quản lý hiệu quả các yếu tố này để tối ưu hóa năng suất kinh tế..

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu kết hợp lý thuyết và thực tiễn, xem xét vai trò của đầu tư công (ĐTC) trong tăng trưởng kinh tế, bên cạnh lao động, tài nguyên, và công nghệ. ĐTC định hướng, đảm bảo phân bổ nguồn lực, và ảnh hưởng đến đầu tư tư nhân tại tỉnh Bình Định..

2.1.2. Phương pháp thu thập số liệu

Thứ nhất, với số liệu thứ cấp, nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Niên giám thống kê Bình Định (2005–2021), các báo cáo ngành, chỉ số PCI, năng lực chuyển đổi số, xuất nhập khẩu, và TFP. Nguồn dữ liệu bao gồm GRDP, đầu tư công, lao động, doanh nghiệp, tín dụng, lãi suất, và năng suất do các sở ban ngành cung cấp.

Thứ hai, với số liệu sơ cấp, nghiên cứu thu thập thông qua khảo sát và điều tra ý kiến của 105 doanh nghiệp và 20 chuyên gia. Nội dung tập trung vào: (i) tình hình sản xuất kinh doanh gắn với đầu tư công; (ii) các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp tư nhân tại Bình Định.

2.1.3. Phương pháp phân tích tác động

Thứ nhất, phương pháp phân tích tác động của đầu tư công (ĐTC) tới tăng trưởng kinh tế và khu vực tư nhân sử dụng các mô hình logarit hóa dựa trên các biến kinh tế như GRDP, lao động, vốn con người (H), năng lực chuyển đổi số (ICT), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), và xuất nhập khẩu (NX). Hai mô hình chính bao gồm: (i) tác động của ĐTC tới GRDP với các yếu tố ĐTC, lao động, vốn con người và ICT; (ii) tác động của ĐTC tới sản lượng khu vực tư nhân với các yếu tố ĐTC, PCI, lao động và NX. Phương pháp ước lượng áp dụng bao gồm hồi quy OLS, REM, FEM và 3SLS để xử lý nội sinh. Đồng thời, phương pháp ARDL được sử dụng để kiểm định tính dài hạn và đồng liên kết giữa các biến.

Thứ hai, phân tích tác động của ĐTC tới đầu tư tư nhân dựa trên các yếu tố như ĐTC, PCI, lao động, và NX. Các mô hình logarit được sử dụng để đánh giá mối quan hệ giữa ĐTC và sản lượng khu vực tư nhân. Phương pháp ước lượng bao gồm OLS, REM, FEM, và 3SLS – GMM để xử lý hiện tượng nội sinh. Mô hình ARDL được áp dụng nhằm kiểm định tác động ngắn hạn và dài hạn, giúp làm rõ vai trò của ĐTC trong thúc đẩy hoặc cản trở đầu tư tư nhân tại địa phương.

Thứ ba, phân tích tác động của ĐTC tới năng suất tổng hợp (TFP) được thực hiện với hai mô hình: TFP toàn nền kinh tế và TFP khu vực tư nhân. Các yếu tố chính bao gồm ĐTC, ICT, lao động, PCI, và vốn con người (H). Các phương pháp OLS, REM, FEM, và 3SLS – GMM được sử dụng để đảm bảo xử lý nội sinh, trong khi ARDL kiểm tra mối quan hệ dài hạn. Phân tích này giúp đánh giá tác động của ĐTC tới năng suất tổng hợp trong cả ngắn hạn và dài hạn.

2.2. Nội dung nghiên cứu

Phân tích lý thuyết: Tổng hợp các lý thuyết kinh tế về vai trò của đầu tư công trong tăng trưởng (cổ điển, tân cổ điển, nội sinh).

Đánh giá thực trạng: Phân tích quy mô, cơ cấu và hiệu quả đầu tư công tại Bình Định từ 2005–2023; bối cảnh kinh tế - xã hội và định hướng quy hoạch tỉnh.

Phân tích thực chứng hóa tác động:

- Tác động của đầu tư công đến GRDP và sản lượng khu vực tư nhân.
- Tác động của đầu tư công đến đầu tư tư nhân.
- Tác động của đầu tư công đến TFP của tỉnh. (Sử dụng mô hình ARDL, 3SLS, GMM và phân tích chuỗi thời gian).

Khảo sát doanh nghiệp và chuyên gia: Thu thập dữ liệu sơ cấp phản ánh mối liên hệ giữa đầu tư công và quyết định đầu tư của doanh nghiệp tư nhân.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

3.1. Tình hình chung của tỉnh Bình Định

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội và điều kiện hạ tầng của tỉnh Bình Định

3.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Bình Định

Vị trí địa lý: Tỉnh Bình Định có vị trí địa lý rất quan trọng về kinh tế, nhất là kinh tế biển, tiềm năng để thu hút và thực hiện đầu tư phát triển.

Điều kiện tự nhiên: Tài nguyên tự nhiên đa dạng và vị trí địa lý chiến lược, tuy nhiên Khí hậu khắc nghiệt, ảnh hưởng bởi thiên tai.

3.1.1.2. Đặc điểm xã hội của tỉnh Bình Định

Thứ nhất, **về dân số**, Bình Định có quy mô dân số ổn định, đạt 1.506,3 nghìn người năm 2023, đứng thứ 20 cả nước. Dân số thành thị chiếm 41,19%, tập trung ở các khu vực phía đông và đô thị, trong khi dân số nông thôn chiếm 58,81%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 5,3‰ và tuổi thọ trung bình đạt 74,2 năm. Tuy nhiên, tình đối mặt với tỷ lệ di cư cao và sự phân bố dân số chưa hợp lý giữa các vùng.

Thứ hai, **về lao động**, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 56,5% dân số, với 833.119 người có việc làm năm 2023. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 11,92% (2011) lên 25,01% (2022). Dù chất lượng lao động cải thiện, tốc độ vẫn chậm, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thứ ba, **về thu nhập**, thu nhập bình quân đầu người/tháng tăng từ 1,7 triệu đồng (2012) lên 4,36 triệu đồng (2023). Tuy nhiên, chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư ngày càng lớn. Khu vực nông thôn có thu nhập thấp hơn, đạt 2,9 triệu đồng năm 2020.

Thứ tư, **về y tế**, hệ thống y tế mở rộng với 32,1 giường bệnh/10.000 dân (2023). Dù cơ sở vật chất cải thiện, chất lượng dịch vụ y tế còn hạn chế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nhân lực y tế tăng, nhưng thiếu chuyên môn và chưa đồng bộ.

Thứ năm, **về giáo dục**, mạng lưới trường lớp phủ rộng nhưng hạ tầng còn hạn chế, nhiều phòng học chưa đạt chuẩn. Đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Thứ sáu, **về hạ tầng**, hệ thống giao thông đa dạng, với cao tốc Bắc Nam là động lực lớn, nhưng đường thủy và đường bộ nội tỉnh chưa phát triển đồng bộ. Hạ tầng cấp nước, viễn thông, và thủy lợi được cải thiện nhưng vẫn gặp nhiều hạn chế về thoát nước, kết nối bưu chính số, và năng lực điều tiết nước.

3.1.2. Tình hình kinh tế của tỉnh Bình Định

3.1.2.1. Tổng quan tình hình phát triển của tỉnh Bình Định

Quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng

Thứ nhất, **quy mô kinh tế của Bình Định mở rộng liên tục** nhờ duy trì tăng trưởng, nhưng tốc độ tăng trưởng có xu hướng chậm dần. Năm 2023, GRDP theo giá hiện hành đạt 117,667 nghìn tỷ đồng, gấp 11,43 lần năm 2005. Tỷ lệ đóng góp vào kinh tế Việt Nam tăng

từ 1,07% (2005) lên 1,1% (2023), xếp thứ 6/14 trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Theo giá so sánh 2010, GRDP năm 2023 đạt 60,426 nghìn tỷ đồng, gấp 3,8 lần năm 2005. Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2005-2023 đạt 7,7%/năm, nhưng giai đoạn 2011-2023 giảm còn 6,4%/năm, thấp hơn trung bình khu vực (7,01%). Tăng trưởng chậm dần đòi hỏi tỉnh tìm kiếm động lực mới cho nền kinh tế.

Thu nhập bình quân đầu người

Thứ hai, **GRDP/người gia tăng liên tục**, cải thiện phúc lợi và vị thế kinh tế của tỉnh. GRDP/người năm 2023 đạt 78,1 triệu đồng (3.259,1 USD), gấp 4,3 lần năm 2010. So với cả nước, GRDP/người của Bình Định đạt khoảng 73,6% mức trung bình và xếp thứ 35/63 tỉnh, thành. Trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, tỉnh đứng thứ 7/14. Mặc dù tăng trưởng ổn định, khoảng cách với cả nước vẫn lớn, đòi hỏi cải thiện năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Cấu trúc kinh tế theo ngành

Thứ ba, **cơ cấu ngành kinh tế chưa hiện đại**. Năm 2023, tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản; công nghiệp & xây dựng; dịch vụ; và thuế sản phẩm lần lượt là 26,38%, 30,39%, 38,9%, và 4,33%. Tỷ trọng nông nghiệp cao thứ 3/14 tỉnh trong vùng, phản ánh phụ thuộc lớn vào nông nghiệp. Lao động trong nông nghiệp chiếm 33,1%, công nghiệp và xây dựng 30,5%, và dịch vụ 37,4%. Cơ cấu GRDP ngành hiện đại hơn cơ cấu lao động, cho thấy năng suất lao động còn nhiều tiềm năng phát triển.

Phân bố kinh tế theo vùng

Thứ tư, **phân bố kinh tế tập trung ở vùng Nam và phía Đông tỉnh**. Năm 2022, vùng Nam chiếm 76,8% giá trị sản xuất, trong đó TP Quy Nhơn đóng góp 38%. Các huyện phía Đông chiếm 73,6% giá trị sản xuất, trong khi phía Tây chỉ 26,4%. Các doanh nghiệp phía Đông chiếm 83,5% doanh thu năm 2021, trong đó TP Quy Nhơn chiếm gần 78%. Tỷ trọng tài sản cố định, lao động và doanh nghiệp cũng tập trung ở phía Đông, dẫn đến sự chênh lệch phát triển giữa các khu vực. .

3.1.2.2. Các động lực phát triển của tỉnh Bình Định

Thứ nhất, **động lực từ các ngành kinh tế** cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt từ nông nghiệp sang công nghiệp – xây dựng và dịch vụ. Trong giai đoạn 2011–2023, ngành công nghiệp – xây dựng đóng góp trung bình 38,3%, dịch vụ chiếm 43%, và nông lâm thủy sản chỉ 18,5%. Tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản giảm từ 27,3% (2011–2015) xuống 19,1% (2016–2020), trong khi ngành công nghiệp – xây dựng tăng từ 31,6% lên 40,6%. Ngành dịch vụ, mặc dù giảm nhẹ, vẫn giữ vai trò trụ cột với gần 39% năm 2023, phản ánh tiềm năng phát triển lớn hơn nếu được đầu tư bài bản.

Thứ hai, **động lực từ vùng lãnh thổ** tập trung chủ yếu ở vùng Nam và phía Đông tỉnh. Vùng Nam, với trung tâm là TP Quy Nhơn, chiếm 76,8% giá trị sản xuất năm 2022, tăng từ 75,7% năm 2015. Riêng TP Quy Nhơn đóng góp 38% giá trị sản xuất. Vùng Đông chiếm gần 77% GRDP năm 2022, trong khi vùng Tây chỉ chiếm 23%, thể hiện sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng, đòi hỏi sự chú trọng phát triển cân đối hơn trong tương lai.

Thứ ba, **động lực từ nguồn lực sản xuất** cho thấy sự chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu. Trong giai đoạn 2010–2015, vốn đóng góp 76,56% vào tăng trưởng, lao động 8,47%, và TFP chỉ 14,96%. Đến giai đoạn 2016–2020, tỷ trọng của vốn giảm còn 58,85%, TFP tăng lên 35,13%, phản ánh hiệu quả sử dụng nguồn lực được cải thiện. Năm 2022, TFP đóng góp 41,95%, vốn 56,03%, và lao động 2,02%, cho thấy xu hướng tích cực nhưng chưa ổn định.

Thứ tư, **động lực từ tổng cầu** cho thấy tiêu dùng nội địa là nhân tố chính, nhưng dư địa tăng trưởng đang thu hẹp. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng từ 22.202 tỷ đồng (2010) lên 103.100 tỷ đồng (2023), gấp gần 5 lần. Tỷ trọng tổng mức bán lẻ so với GRDP đạt đỉnh 90,2% năm 2019 nhưng giảm còn 84,4% năm 2022, cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước (56–65%), thể hiện vai trò quan trọng nhưng cũng cảnh báo nguy cơ cạn kiệt dư địa tăng trưởng từ tiêu dùng. .

3.1.2.3. Cách thức phân bổ nguồn lực phát triển kinh tế của tỉnh Bình Định

Thứ nhất, **huy động và phân bổ tài chính** cho thấy những thay đổi tích cực trong cơ cấu thu chi ngân sách. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2023 đạt 12.694 tỷ đồng, tăng gấp 3,2 lần so với năm 2011, với tỷ trọng thu nội địa tăng từ 90,6% năm 2021 lên 95,6% năm 2023. Thu từ đất và khoáng sản chiếm tỷ trọng cao nhất, trong khi thu từ xuất nhập khẩu giảm dần. Chi ngân sách địa phương năm 2023 đạt 20.520 tỷ đồng, tăng 3,5 lần so với năm 2011. Cơ cấu chi chuyển hướng tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng lên 50,2% năm 2023, trong khi chi thường xuyên giảm còn 27,4%. Điều này phản ánh hiệu quả quản lý ngân sách và tạo điều kiện phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

Thứ hai, **huy động và phân bổ vốn đầu tư** đạt được sự gia tăng liên tục từ nhiều nguồn khác nhau. Tổng vốn đầu tư năm 2023 đạt 51.676 tỷ đồng, gấp 4,6 lần so với năm 2010, với tỷ lệ vốn đầu tư so với GRDP duy trì trung bình 41,1%. Nguồn vốn nhà nước chiếm trung bình 31,7%. Tuy nhiên, vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào xây dựng cơ bản (69,6% trung bình) và ngành dịch vụ (59,3% năm 2022), trong khi đầu tư cho ngành nông lâm thủy sản giảm dần (6,6% năm 2022). Hiệu quả đầu tư còn thấp, với hệ số ICOR biến động mạnh, năm 2016 lên tới 15,19, cho thấy cần cải thiện kiểm soát đầu tư.

Thứ ba, **huy động và phân bổ lao động** cho thấy sự tham gia lớn nhưng dư địa khai thác hạn chế. Số lao động đang làm việc năm 2023 là 833.119 người, chiếm 55% dân số tỉnh, với tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 9,4% năm 2010 lên 25,1% năm 2022. Năng suất lao động tăng từ 32,7 triệu đồng năm 2010 lên 128,67 triệu đồng năm 2022, nhưng vẫn chỉ bằng 68,5% mức trung bình cả nước. Cơ cấu lao động có sự cải thiện nhưng chưa hiện đại, tập trung nhiều ở các ngành có giá trị gia tăng thấp. .

3.1.3. Tình hình đầu tư công trong nền kinh tế tỉnh Bình Định

3.1.3.1. Chính sách đầu tư công của tỉnh Bình Định

Thứ nhất, trong giai đoạn 2016-2020, vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (NSNN) được phân bổ dựa trên kế hoạch trung hạn 5 năm, với sự tập trung vào các dự án trọng điểm quốc gia và chương trình mục tiêu quốc gia. Việc phân bổ này tuân thủ các quy

định của Luật Đầu tư công và đảm bảo công khai, minh bạch, tập trung nguồn lực vào các dự án chiến lược nhằm tránh lãng phí.

Thứ hai, giai đoạn 2021-2025, chính sách đầu tư công chuyển hướng tập trung vào các vùng động lực và khu vực khó khăn. Đầu tư công được sử dụng như một công cụ dẫn dắt, thu hút vốn tư nhân thông qua phương thức đối tác công tư (PPP), đồng thời đẩy mạnh vào các dự án có sức lan tỏa cao để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Thứ ba, nguồn vốn do địa phương quản lý cũng được phân bổ ưu tiên cho các chương trình mục tiêu quốc gia như giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, quỹ đất và xổ số kiến thiết là các nguồn chính được sử dụng để phát triển hạ tầng cơ sở.

3.1.3.2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng đầu tư công tại Bình Định

a. Huy động vốn đầu tư công

Quy mô vốn đầu tư công tăng nhanh hơn so với tổng vốn đầu tư của tỉnh. Năm 2023, vốn đầu tư công đạt 16.455,4 tỷ đồng, chiếm 31,8% tổng vốn đầu tư thực hiện. Tỷ trọng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư công tăng từ 76% năm 2010 lên 64,3% năm 2023, với phần lớn vốn được huy động từ ngân sách địa phương. Thứ hai, vốn vay và vốn từ doanh nghiệp nhà nước cũng đóng vai trò quan trọng. Nguồn vốn vay tăng từ 475 tỷ đồng năm 2010 lên 3.626 tỷ đồng năm 2022, trong khi vốn từ doanh nghiệp nhà nước giảm mạnh do quá trình cải cách.

b. Phân bổ vốn đầu tư công

Thứ nhất, vốn đầu tư công chủ yếu tập trung vào phát triển hạ tầng giao thông, với tỷ lệ chiếm trên 40% tổng vốn đầu tư. Ngành giáo dục và nông lâm thủy sản nhận được tỷ trọng ổn định nhưng thấp hơn.

Thứ hai, các lĩnh vực trụ cột như công nghiệp chế biến, du lịch, đô thị, dịch vụ cảng biển-logistics, và nông nghiệp công nghệ cao nhận được ưu tiên. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư vào các lĩnh vực này còn hạn chế, chỉ duy nhất công nghiệp chế biến đạt trên 15% tổng vốn đầu tư.

c. Sử dụng đầu tư công

Vốn đầu tư công được sử dụng để phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Hệ thống giao thông, năng lượng, cấp thoát nước, và viễn thông được cải thiện đáng kể, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế-xã hội. Thứ hai, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công cần được nâng cao. Hệ số ICOR của đầu tư công tại Bình Định khá cao, dao động từ 8,5 đến 10,3 trong giai đoạn 2011-2023, thấp hơn so với khu vực tư nhân, cho thấy cần cải thiện quy trình và quản lý đầu tư.

3.1.3.3. Vai trò của đầu tư công với tăng trưởng kinh tế

Thứ nhất, đầu tư công đóng góp đáng kể vào GRDP, chiếm trung bình 17,7% trong giai đoạn 2011-2022.

Thứ hai, ĐTC thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trực tiếp và lan tỏa đến các lĩnh vực khác thông qua cơ sở hạ tầng và dịch vụ công.

Thứ ba, ĐTC góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế, hướng tới các lĩnh vực trụ cột và ngành có giá trị gia tăng cao hơn.

Thứ tư, đầu tư công cải thiện đáng kể hạ tầng kỹ thuật và xã hội, bao gồm giao thông, năng lượng, y tế, giáo dục, và viễn thông.

Thứ năm, ĐTC tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân, đóng góp tích cực vào sự ổn định kinh tế-xã hội.

3.1.4. Đầu tư tư nhân trong nền kinh tế tỉnh Bình Định

3.1.4.1. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn đầu tư tư nhân tỉnh Bình Định

a. Huy động đầu tư tư nhân

Thứ nhất, vốn đầu tư tư nhân (ĐTTN) của tỉnh Bình Định tăng trưởng đều qua các năm và chiếm vai trò quan trọng trong tổng vốn đầu tư của tỉnh. Quy mô ĐTTN theo giá hiện hành tăng từ 7.250 tỷ đồng năm 2010 lên 30.241 tỷ đồng năm 2022, tương đương tăng gấp 4,1 lần. Tỷ trọng ĐTTN trong tổng vốn đầu tư giảm nhẹ từ 71% năm 2010 xuống còn 68,1% năm 2023, nhưng vẫn cao hơn mức trung bình cả nước (40%).

Thứ hai, trong cơ cấu nguồn vốn ĐTTN, vốn doanh nghiệp tăng từ 39,6% năm 2010 lên 47,4% năm 2022, trong khi vốn từ dân cư giảm từ 57,6% xuống 45,9%. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có xu hướng tăng, đạt 8,9% năm 2020 và giảm còn 6,7% năm 2022.

b. Phân bổ đầu tư tư nhân

Thứ nhất, ĐTTN tập trung chủ yếu vào các ngành phi nông nghiệp. Tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp-xây dựng (CN-XD) giảm từ 64,2% năm 2015 xuống còn 47% năm 2022, trong khi ngành dịch vụ tăng mạnh từ 16,8% lên 45,6%. Đầu tư vào nông lâm thủy sản (NLTS) giảm nhẹ, chỉ chiếm 7,4% năm 2022.

Thứ hai, về mặt địa lý, ĐTTN chủ yếu tập trung tại các khu vực phía Đông như Quy Nhơn và An Nhơn, chiếm tới 94,5% tổng vốn đầu tư năm 2021. Tuy nhiên, tỷ trọng ĐTTN tại Quy Nhơn giảm từ 74,5% năm 2015 xuống 69,03% năm 2021, trong khi các khu vực khác vẫn chiếm tỷ lệ thấp.

c. Sử dụng đầu tư tư nhân

Thứ nhất, ĐTTN có hiệu quả cao hơn so với đầu tư công (ĐTC), được thể hiện qua hệ số ICOR. Giai đoạn 2011-2015, hệ số ICOR của ĐTTN là 4,71 so với 8,5 của ĐTC; giai đoạn 2016-2020, ICOR của ĐTTN là 5,18 so với 10,3 của ĐTC; và giai đoạn 2011-2023 là 4,85 so với 9,4 của ĐTC.

Thứ hai, tính linh hoạt trong quyết định đầu tư của khu vực tư nhân giúp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời đáp ứng nhanh chóng các biến động của thị trường.

3.1.4.2. Đóng góp của đầu tư tư nhân vào nền kinh tế

Thứ nhất, ĐTTN đóng vai trò quan trọng trong tổng vốn đầu tư phát triển của tỉnh, chiếm gần 68% năm 2023. Đóng góp vào GRDP tăng từ 82,1% năm 2010 lên 87% năm 2022, cao hơn mức trung bình cả nước.

Thứ hai, khu vực tư nhân tạo ra gần 94% tổng việc làm năm 2022, góp phần cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Thứ ba, tỷ lệ đóng góp vào ngân sách của khu vực tư nhân ở Bình Định không cao như cả nước, dao động từ 19–28% tổng thu nội địa, chủ yếu từ thuế thu nhập cá nhân và thuế doanh nghiệp.

3.1.4.3. Môi trường đầu tư cho khu vực tư nhân ở tỉnh Bình Định

Thứ nhất, môi trường đầu tư tại Bình Định cải thiện đáng kể qua các năm, thể hiện qua sự thăng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Năm 2021, tỉnh xếp hạng 11/63, thuộc nhóm tốt, nhưng giảm xuống hạng 25 năm 2023.

Thứ hai, một số chỉ số thành phần PCI như gia nhập thị trường, cạnh tranh bình đẳng, và thiết chế pháp lý được cải thiện. Tuy nhiên, các chỉ số như tính minh bạch, chi phí thời gian, và đào tạo lao động giảm điểm, phản ánh các hạn chế cần khắc phục.

Thứ ba, để duy trì đà phát triển, tỉnh cần tiếp tục cải thiện quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, và đảm bảo minh bạch nhằm tạo môi trường đầu tư bền vững hơn.

3.2. Phân tích tác động của đầu tư công tới đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định

3.2.1. Phân tích tác động của Đầu tư công tới tăng trưởng sản lượng của tỉnh Bình Định

3.2.1.1. Đánh giá tác động của Đầu tư công tới gia tăng sản lượng - GRDP của tỉnh Bình Định

ĐTC tác động tích cực tới tăng trưởng sản lượng – GRDP của tỉnh trong dài hạn và ngược lại; năng lực chuyển đổi số, số lượng lao động và vốn con người cũng duy trì quan hệ tích cực trong dài hạn.

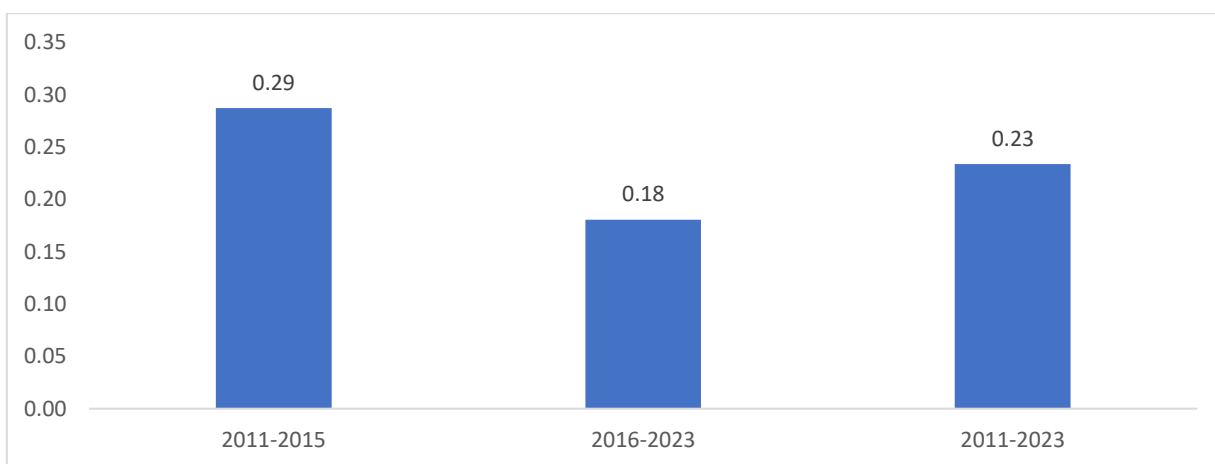
Kết quả ước lượng tác động của đầu tư công (ĐTC) đến tăng trưởng GRDP tại tỉnh Bình Định, trình bày trong Bảng 16, cho thấy ĐTC cùng với lao động, vốn con người và năng lực chuyển đổi số đều có tác động tích cực, với ý nghĩa thống kê cao. Kết quả kiểm định đường bao ($F = 6.937$, $t = -4.109$) khẳng định mối quan hệ dài hạn giữa ĐTC và tăng trưởng GRDP.

Mô hình REM được chọn ($p\text{-value} = 0.1565$) nhưng do xuất hiện tự tương quan (Durbin-Watson = 1.276), phương pháp 3SLS được áp dụng để kiểm soát nội sinh. Kết quả từ 3SLS cho thấy ĐTC ($\ln ig$) có hệ số 0.289, ý nghĩa ở mức 1%, khẳng định vai trò thúc đẩy tăng trưởng. Lao động ($\ln labour$) có hệ số 0.386, vốn con người (H) đạt 0.671, và năng lực chuyển đổi số (ICT) là 0.031, tất cả đều có ý nghĩa thống kê, phản ánh vai trò quan trọng của chất lượng lao động và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế bền vững.

Kết quả phù hợp với các nghiên cứu trước đây, nhấn mạnh tầm quan trọng của ĐTC và năng lực chuyển đổi số trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Kết quả phân tích từ Bảng 16 Phụ lục và tình hình tăng trưởng GRDP giai đoạn 2011-2023 cho thấy, mỗi đồng ĐTC tăng thêm sẽ giúp GRDP tăng khoảng 0,29 đồng trong giai đoạn 2011-2015, 0,18 đồng trong giai đoạn 2016-2023 và trung bình 0,23 đồng trong cả giai đoạn 2011-2023 (Bảng A). Tác động này giảm trong giai đoạn 2016-2023 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và hiệu quả sử dụng ĐTC thấp hơn.

ĐTC không chỉ có tác động trực tiếp mà còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa gián tiếp. Cụ thể, từ các phân tích trong mục 2.4 và 3.2, mỗi đồng ĐTC có thể tác động gián tiếp, làm tăng GRDP khoảng 0,16 đồng. Do đó, tổng tác động của mỗi đồng ĐTC đến GRDP có thể lên đến 0,45 đồng.



Hình A: Mức tăng trưởng GRDP nhờ mỗi đồng ĐTC tăng thêm

(Nguồn: Xử lý từ số liệu từ NGTK tỉnh Bình Định)

Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân bổ và sử dụng hiệu quả ĐTC trong giai đoạn 2021-2030 để tối ưu hóa tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định. Năng lực chuyển đổi số, với tác động tích cực đến GRDP, cho thấy tiềm năng lớn trong việc nâng cao số hóa để thúc đẩy kinh tế. Chỉ số này còn dự đoán cải thiện so với các tỉnh trong khu vực. Bên cạnh đó, phát triển nguồn nhân lực, một khâu đột phá trong chiến lược phát triển của tỉnh, là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng bền vững..

Bình luận

Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh, đầu tư công (ĐTC) vào hạ tầng và dịch vụ công có vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Nghiên cứu cho thấy ĐTC tại Bình Định tác động tích cực đến GRDP, phù hợp với lý thuyết khi cơ sở hạ tầng cải thiện giúp giảm chi phí sản xuất và tạo điều kiện cho khu vực tư nhân phát triển. Đồng thời, yếu tố lao động và vốn con người, đặc biệt là tỷ lệ lao động qua đào tạo, cũng tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, phù hợp với lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển của Solow, nhấn mạnh vai trò của chất lượng nguồn nhân lực trong gia tăng năng suất và sản lượng.

Kết quả cũng chỉ ra rằng ĐTC tạo hiệu ứng lan tỏa gián tiếp, với mỗi đồng ĐTC có thể kích thích thêm 0,16 đồng GRDP qua các kênh khác nhau. Điều này phù hợp với lý thuyết về hiệu ứng lan tỏa, khi đầu tư vào một lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng ở các lĩnh vực khác. Năng lực chuyển đổi số của Bình Định cũng được xác định là một yếu tố quan trọng, giúp tăng cường hiệu quả kinh tế và mở rộng thị trường, phù hợp với lý thuyết cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cuối cùng, nghiên cứu nhấn mạnh việc phân bổ và sử dụng hiệu quả ĐTC giai đoạn 2021-2030 là cần thiết để tối ưu hóa lợi ích kinh tế. Điều này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng GRDP mà còn góp phần phát triển bền vững, tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Kết luận: Từ góc độ các lý thuyết kinh tế phát triển, kết quả ước lượng về tác động của ĐTC tới tăng trưởng GRDP của tỉnh Bình Định cho thấy tầm quan trọng của việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực và chuyển đổi số để thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Các lý thuyết về vốn công, vốn con người và hiệu ứng lan tỏa đều được khẳng định qua kết

quả này, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực công nhằm tạo ra động lực tăng trưởng lâu dài.

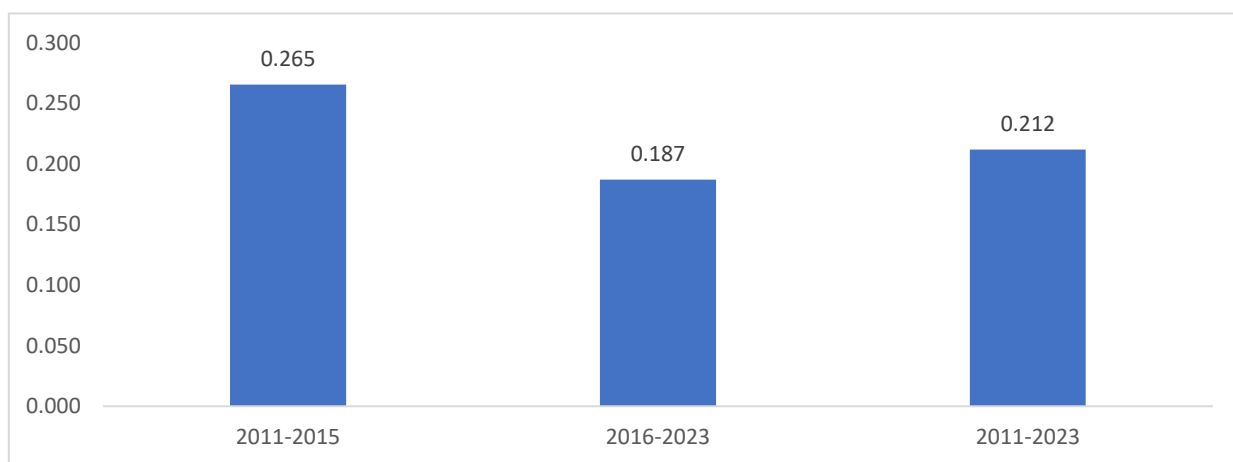
3.2.1.2. Đánh giá tác động của ĐTC tới sản lượng của khu vực tư nhân

ĐTC tác động tích cực tới tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân của tỉnh trong dài hạn và ngược lại; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, số lượng lao động và xuất khẩu ròng cũng duy trì quan hệ tích cực trong dài hạn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tư công (ĐTC) có tác động tích cực đến tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân tỉnh Bình Định trong cả ngắn và dài hạn. Theo mô hình hồi quy tác động cố định (FEM), ĐTC, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), lao động và chênh lệch xuất nhập khẩu (NX) đều ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng.

Cụ thể, ĐTC có hệ số 0.046 (ý nghĩa 1%), khẳng định vai trò cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy sản lượng khu vực tư nhân. PCI-1 có hệ số 0.044 (ý nghĩa 10%), cho thấy môi trường kinh doanh thuận lợi giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí và gia tăng hiệu quả. Lao động (hệ số 0.061, ý nghĩa 1%) là yếu tố quan trọng nhưng mức tác động thấp hơn so với toàn nền kinh tế. Chênh lệch xuất nhập khẩu (hệ số 0.136, ý nghĩa 5%) nhấn mạnh vai trò của thương mại quốc tế trong mở rộng sản lượng khu vực tư nhân.

Kết quả kiểm định Breusch-Pagan và các chỉ số R^2 từ 0.8929 đến 0.8961 đảm bảo tính ổn định của mô hình. Điều này cho thấy việc gia tăng ĐTC và cải thiện môi trường kinh doanh là chìa khóa thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển bền vững. .



Hình B: Mức tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân nhờ mỗi đồng ĐTC tăng thêm

(Nguồn: Xử lý từ số liệu từ NGTK tỉnh Bình Định)

. Dựa trên các kết quả ước lượng cho thấy tác động của mỗi đồng ĐTC tăng thêm đến tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân đã được tính toán. Cụ thể, trong giai đoạn 2011-2015, mỗi đồng ĐTC tăng thêm dẫn đến sản lượng tăng thêm 0,265 đồng; giai đoạn 2016-2023 là 0,187 đồng; và toàn bộ giai đoạn 2011-2023 là 0,212 đồng. Trong giai đoạn 2016-2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và hiệu quả sử dụng ĐTC giảm, tác động của ĐTC cũng bị suy yếu, phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế.

Những phát hiện này nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh cách thức phân bổ và sử dụng ĐTC trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030 của tỉnh Bình Định. Để đảm bảo ĐTC tiếp tục có tác động tích cực tới khu vực tư nhân, việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực là vô cùng quan trọng.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tỉnh Bình Định cần cải thiện PCI, bởi so với các tỉnh trong vùng Duyên hải miền Trung, chỉ số này còn tiềm năng lớn để phát triển. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực (NNL) cũng là yếu tố cần thiết để thúc đẩy khu vực tư nhân và phát triển kinh tế chung của tỉnh. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030, trong đó tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như một trong những khâu đột phá chính.

Bình luận:

Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh, đầu tư công (ĐTC) đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng cách cải thiện hạ tầng và cung cấp dịch vụ công cộng. Kết quả nghiên cứu cho thấy ĐTC tác động tích cực đến tăng trưởng khu vực tư nhân, khi hạ tầng giao thông, điện, và viễn thông không chỉ làm tăng hiệu quả sản xuất mà còn thu hút đầu tư tư nhân. Hiệu ứng lan tỏa từ ĐTC giúp nâng cao năng suất và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp, tạo động lực cho tăng trưởng nội sinh.

Theo lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển, vốn con người và lao động là yếu tố quyết định đến phát triển kinh tế. Kết quả nghiên cứu phù hợp với lý thuyết này, cho thấy lao động tại Bình Định, dù dồi dào và chi phí thấp, cần được cải thiện chất lượng thông qua đầu tư vào giáo dục và đào tạo để tăng năng suất, phù hợp với lý thuyết vốn con người.

Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) cũng tác động tích cực, phù hợp với lý thuyết của Michael Porter về môi trường kinh doanh. PCI cao giúp giảm chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Ngoài ra, xuất khẩu ròng có vai trò quan trọng theo lý thuyết lợi thế so sánh, khi mở rộng thị trường quốc tế, cải thiện hiệu quả sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Kết luận: Từ các kết quả ước lượng và góc độ của các lý thuyết kinh tế phát triển, có thể thấy rằng đầu tư công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, lao động, và xuất khẩu đều có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối ưu, việc điều chỉnh cách phân bổ và sử dụng nguồn lực, cũng như cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, là những yếu tố thiết yếu cho sự phát triển bền vững của tỉnh Bình Định.

3.2.2. Phân tích tác động của Đầu tư công tới đầu tư tư nhân

3.2.2.1. Kết quả Phân tích tác động của Đầu tư công tới đầu tư tư nhân

ĐTC tác động tích cực tới mức đầu tư tư nhân của tỉnh trong dài hạn và ngược lại; năng lực chuyển đổi số, tăng trưởng kinh tế của khu vực tư nhân cũng duy trì quan hệ tích cực trong dài hạn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tư công (ĐTC) có tác động tích cực đến đầu tư tư nhân (ĐTTN) tại tỉnh Bình Định, đặc biệt trong dài hạn. Khi chính phủ tăng cường ĐTC,

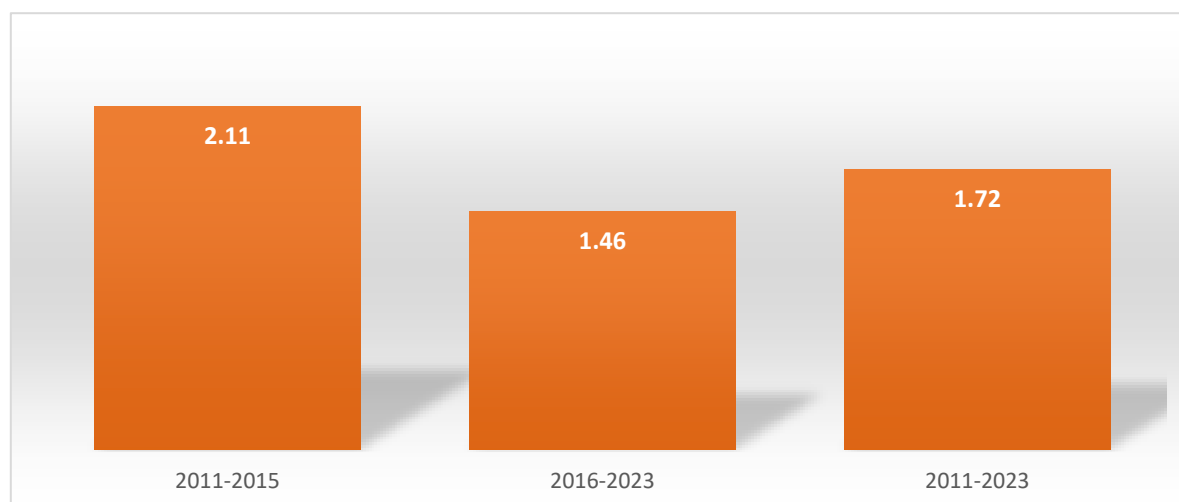
nhất là vào hạ tầng, môi trường kinh doanh thuận lợi sẽ kích thích khu vực tư nhân mở rộng đầu tư. Ngoài ĐTC, sản lượng khu vực tư nhân và năng lực chuyển đổi số năm trước cũng góp phần thúc đẩy ĐTTN, khẳng định vai trò của công nghệ và năng lực sản xuất trong việc tạo động lực đầu tư. Ngược lại, lãi suất có tác động tiêu cực, cho thấy chi phí vốn cao làm giảm động lực đầu tư, phù hợp với lý thuyết kinh tế về ảnh hưởng của chi phí vốn.

Phân tích bằng mô hình kiểm định mối quan hệ dài hạn giữa ĐTC và ĐTTN xác nhận tính dừng của các biến khi lấy sai phân bậc 1, với giá trị $F = 7,696$ và $t = -4,787$. Trong giai đoạn 2011-2015, mỗi đồng ĐTC tăng thêm kích thích 2,11 đồng ĐTTN, nhờ hiệu ứng lan tỏa từ các dự án ĐTC. Tuy nhiên, giai đoạn 2016-2023, hiệu quả giảm xuống còn 1,46 đồng, do hiện tượng "lấn át" đầu tư tư nhân khi ĐTC chiếm dụng nguồn lực, cùng với các dự án chưa đồng bộ hoặc kém chất lượng, làm giảm hiệu quả hỗ trợ ĐTTN.

Khi xét toàn bộ giai đoạn 2011-2023, mỗi đồng ĐTC tăng thêm trung bình đã kích thích 1,72 đồng ĐTTN. Mặc dù con số này cho thấy mối quan hệ tích cực giữa ĐTC và ĐTTN trong dài hạn, mức hiệu quả đã suy giảm so với giai đoạn đầu, cho thấy cần phải tối ưu hóa chiến lược và cơ cấu đầu tư công để duy trì tác động kích thích ở mức cao hơn. Việc cải thiện hiệu quả đầu tư công là điều cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh nguồn lực và nhu cầu tối ưu hóa chi tiêu ngân sách.

Một điểm đáng chú ý là năng lực chuyển đổi số của tỉnh Bình Định đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ĐTTN. Mặc dù năng lực này hiện vẫn còn tiềm năng để cải thiện, đặc biệt so với các tỉnh khác trong vùng Duyên hải miền Trung, nhưng nó đã bắt đầu phát huy tác dụng tích cực. Điều này gợi ý rằng, các chính sách đầu tư vào công nghệ và chuyển đổi số sẽ là động lực quan trọng cho đầu tư tư nhân trong tương lai.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của lãi suất trong việc tác động đến ĐTTN. Chi phí vốn cao làm giảm khả năng tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp, do đó cần có các chính sách giảm lãi suất và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Bình Định đang phát triển. Việc cải thiện môi trường kinh doanh và giảm chi phí vốn sẽ là yếu tố quan trọng giúp tăng cường đầu tư tư nhân trong giai đoạn 2021-2030.



Hình C: Mức tăng đầu tư tư nhân nhờ mỗi đồng ĐTC tăng thêm

(Nguồn: Xử lý từ số liệu từ NGTK tỉnh Bình Định)

Cuối cùng, ĐTC tại Bình Định chủ yếu tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Các tuyến giao thông như Quốc lộ 19 sau khi được nâng cấp đã trở thành động lực thu hút đầu tư tư nhân, tạo ra các hành lang kinh tế mới. Đây là một ví dụ điển hình cho thấy việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng có thể tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các khu vực kinh tế và thu hút nguồn vốn tư nhân.

Bình luận kết quả

Theo lý thuyết kinh tế, đầu tư công (ĐTC) có thể kích thích đầu tư tư nhân (ĐTTN) thông qua hiệu ứng "crowding-in". Tại Bình Định, ĐTC vào hạ tầng như giao thông, logistics, và khu công nghiệp đã giảm chi phí giao dịch, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, từ đó khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư. Dự án nâng cấp Quốc lộ 19 là minh chứng điển hình, khi tạo hành lang kinh tế mới, thu hút dòng vốn tư nhân đáng kể.

Kết quả nghiên cứu cho thấy lãi suất có tác động tiêu cực đến ĐTTN, phản ánh rằng chi phí vốn cao làm giảm động lực đầu tư của doanh nghiệp, phù hợp với lý thuyết về mối quan hệ giữa lãi suất và đầu tư tư nhân. Do đó, cần các chính sách hỗ trợ tài chính và giảm lãi suất để thúc đẩy đầu tư tư nhân, đặc biệt trong các lĩnh vực yêu cầu vốn lớn.

Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh, năng lực chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong thúc đẩy ĐTTN. Khi được hỗ trợ công nghệ và kỹ thuật số, doanh nghiệp có thể nâng cao năng suất và cạnh tranh. Tuy nhiên, giai đoạn 2016-2023, hiệu quả kích thích ĐTTN từ ĐTC suy giảm, nguyên nhân do đại dịch COVID-19 và hiệu quả phân bổ vốn chưa cao. Để tối ưu hóa tác động, ĐTC cần tập trung vào các dự án có tính lan tỏa, thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn 2021-2030.

Kết luận: Dựa trên các lý thuyết kinh tế, có thể thấy rằng kết quả nghiên cứu về tác động của ĐTC tới ĐTTN tại Bình Định phản ánh rõ nét những yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của tỉnh. Việc đầu tư công hiệu quả, kết hợp với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số và giảm chi phí vốn, sẽ là chìa khóa quan trọng để Bình Định thu hút được nhiều hơn đầu tư tư nhân, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

3.2.2.2. Đánh giá quyết định của các nhà đầu tư tư nhân vào nền kinh tế dưới tác động đầu tư công

Ảnh hưởng của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội:

Lý thuyết của Aschauer (1989) và Barro (1990) nhấn mạnh vai trò của đầu tư công (ĐTC) vào cơ sở hạ tầng như giao thông, logistics và khu công nghiệp (KCN) trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đầu tư tư nhân (ĐTTN). Tại Bình Định, ĐTC vào các dự án giao thông quan trọng, như nâng cấp Quốc lộ 19, đã cải thiện điều kiện vận tải, giảm chi phí lưu thông và tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đánh giá rằng cơ sở hạ tầng hoàn thiện là yếu tố quan trọng trong mở rộng sản xuất, phù hợp với lý thuyết "crowding-in", khi ĐTC tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và kích thích đầu tư tư nhân.

Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh:

Theo Douglass North (1990), một môi trường kinh doanh minh bạch và hiệu quả đóng vai trò lớn trong việc khuyến khích đầu tư tư nhân. Tại Bình Định, ĐTC vào cải cách hành chính và nâng cao tính minh bạch đã giúp giảm chi phí gia nhập thị trường và cải thiện môi trường đầu tư. Khảo sát cho thấy các doanh nghiệp đánh giá cao những cải tiến trong chi phí thời gian và thủ tục hành chính, góp phần tăng niềm tin và thúc đẩy đầu tư. Những cải tiến này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết kinh tế về vai trò của thể chế và môi trường kinh doanh trong phát triển kinh tế.

Hỗ trợ tìm thị trường đầu ra và xúc tiến thương mại:

Lý thuyết thương mại quốc tế của Krugman (1991) nhấn mạnh rằng mở rộng thị trường và gia tăng xuất khẩu thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế. Tại Bình Định, ĐTC vào các hoạt động xúc tiến thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế đã giúp nâng cao khả năng xuất khẩu và giảm rủi ro kinh doanh. Doanh nghiệp cho rằng hỗ trợ từ chính quyền trong xúc tiến thương mại đã tạo động lực quan trọng cho việc mở rộng đầu tư. Điều này phản ánh vai trò của ĐTC trong việc tận dụng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Hỗ trợ lao động:

Lý thuyết vốn con người của Becker (1964) và Mankiw (2019) nhấn mạnh rằng đầu tư vào đào tạo lao động nâng cao năng suất và thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Tại Bình Định, ĐTC vào đào tạo và phát triển kỹ năng lao động, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng, từ đó cải thiện hiệu quả sản xuất. Các doanh nghiệp đánh giá rằng hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động là yếu tố thiết yếu trong quyết định đầu tư. Điều này phù hợp với lý thuyết rằng nguồn lao động có trình độ cao giúp tăng năng suất và cạnh tranh của nền kinh tế.

3.2.3. Phân tích tác động của đầu tư công tới năng suất tổng hợp – TFP của tỉnh Bình Định

3.2.3.1. Tình hình năng suất tổng hợp – TFP của tỉnh

Trong giai đoạn 2010-2023, chỉ số năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) của tỉnh Bình Định có sự cải thiện, với tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GRDP tăng từ khoảng 15% (2010-2015) lên trung bình 35,13% (2016-2023). Sự gia tăng này phản ánh chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ dựa vào vốn sang kết hợp giữa vốn và năng suất. Tuy nhiên, đóng góp của TFP vẫn thấp hơn mức trung bình toàn quốc (45,72%). Nguyên nhân chính bao gồm chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, năng suất lao động ngành nông nghiệp thấp, và hạn chế trong ứng dụng công nghệ. Mặc dù nhân tố vốn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, nhân tố lao động đóng góp không ổn định, cho thấy nhu cầu cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật.

3.2.3.2. Đánh giá tác động của ĐTC tới TFP của tỉnh Bình Định

Kết quả nghiên cứu tác động của đầu tư công (ĐTC) tới năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) tại Bình Định cho thấy mối quan hệ dài hạn giữa các biến kinh tế. Giá trị trung bình

TFP là 1,30, dao động từ 0,90 đến 1,72, với số liệu ổn định và đáng tin cậy. Sau khi kiểm định tính dừng và lấy sai phân bậc 1, các chuỗi dữ liệu đạt tính dừng. Kết quả mô hình ARDL (3BBB) cho thấy kiểm định đường bao có giá trị $F = 6,381$ và $t = -4,136$, khẳng định mối quan hệ dài hạn giữa ĐTC, TFP, và các yếu tố khác như năng lực chuyển đổi số và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Cụ thể, đầu tư công, năng lực chuyển đổi số của tỉnh, năng lực cạnh tranh và lao động đều có tác động tích cực tới TFP. Trong giai đoạn 2011-2015, mỗi điểm phần trăm tăng thêm của ĐTC làm tăng TFP thêm 0,09 điểm phần trăm, giai đoạn 2016-2023 là 0,168 điểm phần trăm và giai đoạn tổng hợp 2011-2023 là 0,132 điểm phần trăm. Điều này chỉ ra vai trò quan trọng của ĐTC trong việc thúc đẩy tăng trưởng năng suất trong khu vực tư nhân và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét lại cách thức phân bổ và sử dụng ĐTC trong quy hoạch 2021-2030 của tỉnh Bình Định.

Một phát hiện thú vị từ nghiên cứu này là chỉ số năng lực chuyển đổi số không chỉ tác động tới TFP mà còn kích thích đầu tư tư nhân trong tỉnh. Tuy nhiên, so với các tỉnh trong khu vực Duyên hải miền Trung, chỉ số này của Bình Định vẫn còn dư địa lớn để cải thiện. Đồng thời, lãi suất cũng được xác định là yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư tư nhân, yêu cầu các chính sách phù hợp nhằm giảm chi phí vốn và cải thiện môi trường kinh doanh, điều này sẽ trở thành một khâu đột phá quan trọng trong phát triển kinh tế của Bình Định giai đoạn 2021-2030.

Bình luận các kết quả

Lý thuyết về TFP và phát triển kinh tế: Theo lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển (Solow), TFP là yếu tố quyết định cuối cùng của tăng trưởng bền vững. Kết quả nghiên cứu tại Bình Định cho thấy ĐTC có vai trò động lực trong việc nâng cao TFP, khi cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy đổi mới công nghệ và hiệu quả sản xuất. Điều này củng cố quan điểm rằng ĐTC tạo điều kiện cho các yếu tố như năng lực chuyển đổi số và lao động đóng góp hiệu quả hơn vào tăng trưởng kinh tế.

Năng lực chuyển đổi số và vai trò phát triển: Quá trình số hóa, theo lý thuyết chuyển đổi số, giúp cải thiện năng suất lao động và hiệu quả quản lý. Kết quả tại Bình Định khẳng định rằng năng lực chuyển đổi số có tác động tích cực đến TFP và đầu tư tư nhân. Tuy nhiên, chỉ số này vẫn còn tiềm năng cải thiện, mở ra cơ hội để tỉnh thúc đẩy quá trình số hóa không chỉ trong khu vực công mà cả khu vực tư nhân, từ đó nâng cao năng lực sản xuất và tính cạnh tranh.

ĐTC và năng lực cạnh tranh: Theo lý thuyết tăng trưởng nội sinh (Endogenous Growth Theory), ĐTC vào cơ sở hạ tầng, giáo dục và nghiên cứu là yếu tố thúc đẩy năng lực cạnh tranh. Kết quả nghiên cứu tại Bình Định chỉ ra rằng đầu tư có chọn lọc và tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm sẽ gia tăng TFP và năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân, đồng thời tạo nền tảng phát triển kinh tế dài hạn.

Vai trò của lao động: Lao động có tác động tích cực tới TFP trong dài hạn, nhưng phần lớn doanh nghiệp tại Bình Định vẫn thâm dụng lao động giá rẻ thay vì đổi mới công nghệ. Điều này đặt ra thách thức về phát triển bền vững, đòi hỏi tỉnh đầu tư mạnh vào giáo dục

và đào tạo để nâng cao chất lượng lao động, giúp chuyển đổi từ mô hình thâm dụng lao động sang thâm dụng công nghệ và tri thức.

Chính sách sử dụng ĐTC: Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết tái cơ cấu ĐTC giai đoạn 2021-2030, đảm bảo phân bổ nguồn vốn vào các lĩnh vực ưu tiên như chuyển đổi số, cơ sở hạ tầng và năng lực cạnh tranh. Điều này phù hợp với lý thuyết quy hoạch kinh tế, khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả và khả năng lan tỏa của ĐTC tới các lĩnh vực kinh tế trọng điểm.

Môi trường kinh doanh và lãi suất: Kết quả cho thấy lãi suất cao làm tăng chi phí vốn, hạn chế đầu tư tư nhân, phù hợp với lý thuyết về vốn và chi phí cơ hội. Do đó, chính sách cần tập trung giảm lãi suất và cải thiện môi trường kinh doanh thông qua hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển hạ tầng, góp phần thúc đẩy đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế bền vững.

3.2.3.3. **Đánh giá tác động của Đầu tư công tới TFP của khu vực tư nhân tỉnh Bình Định**

Đầu tư công, năng lực chuyển đổi số của tỉnh, vốn con người có mối quan hệ thuận tới TFP trong cả dài hạn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tư công (ĐTC), năng lực chuyển đổi số và vốn con người đều có tác động tích cực đến năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, tác động âm của lao động phản ánh sự thâm dụng lao động giá rẻ thay vì đổi mới công nghệ, phù hợp với nhận định của Mankiw (2019) rằng sự phụ thuộc vào lao động giá rẻ cản trở tăng năng suất.

Mô hình ARDL kiểm định mối quan hệ dài hạn giữa ĐTC và TFP cho kết quả giá trị $F = 7,541$ và $t = -3,903$, vượt ngưỡng giới hạn $I(0)$ và $I(1)$. Điều này bác bỏ giả thuyết H_0 , khẳng định mối quan hệ dài hạn giữa ĐTC và các yếu tố khác đối với TFP của khu vực kinh tế tư nhân.

Kết quả ước lượng cũng chỉ ra rằng đầu tư công, năng lực chuyển đổi số của tỉnh và vốn con người có mối quan hệ thuận lợi với TFP trong dài hạn. Cụ thể, trong giai đoạn 2011-2015, mỗi điểm phần trăm tăng thêm của ĐTC đã kích thích tỷ lệ tăng của TFP khu vực tư nhân lên 0,1947 điểm phần trăm, giai đoạn 2016-2023 là 0,2284 điểm phần trăm, và giai đoạn 2011-2023 là 0,2116 điểm phần trăm. Điều này cho thấy ĐTC đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện năng suất của khu vực tư nhân..

Các bình luận từ kết quả:

Đầu tư công và TFP: Theo lý thuyết kinh tế, đầu tư công (ĐTC) đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Kết quả nghiên cứu từ Bình Định cho thấy ĐTC có tác động tích cực đến TFP, đặc biệt thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng và công nghệ. Tuy nhiên, thách thức hiện tại là các doanh nghiệp vẫn thâm dụng lao động giá rẻ thay vì đầu tư vào công nghệ, dẫn đến cấu trúc kinh tế chưa tối ưu hóa, hạn chế tiềm năng tăng trưởng.

Năng lực chuyển đổi số: Chuyển đổi số được xác định là một trong những động lực chính làm tăng TFP của khu vực tư nhân. Đầu tư vào số hóa giúp giảm chi phí giao dịch, cải thiện hiệu quả quản lý và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường. Đây là lĩnh vực mà Bình Định cần đẩy mạnh gia tăng năng lực cạnh tranh trong tương lai.

Vốn con người và quy hoạch: Đầu tư vào vốn con người qua giáo dục và đào tạo kỹ năng lao động cũng đóng góp quan trọng vào TFP. Tuy nhiên, cần tái cơ cấu ĐTC nhằm chuyển hướng phát triển kinh tế từ mô hình thâm dụng lao động sang dựa vào công nghệ và năng lực sản xuất cao.

3.3. Các giải pháp sử dụng đầu tư công khuyến khích đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định giai đoạn 2025-2030

3.3.1. Bối cảnh kinh tế và dự báo nhu cầu đầu tư tỉnh Bình Định

Bối cảnh kinh tế quốc tế, trong nước và các tác động

Bối cảnh quốc tế: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, thông qua các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tạo cơ hội mở rộng thị trường và nâng cao năng lực sản xuất trong các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, và dịch vụ. Thứ hai, xu thế vừa hợp tác, vừa cạnh tranh trong quan hệ quốc tế ngày càng rõ nét, đặc biệt giữa các cường quốc, ảnh hưởng đến dòng chảy đầu tư và thương mại. Thứ ba, cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra cả cơ hội và thách thức, khi công nghệ mới thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Thứ tư, các điểm nóng xung đột và thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu và Việt Nam.

Bối cảnh quốc gia: sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, là điểm đến hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài với tầng lớp trung lưu và thu nhập bình quân đầu người gia tăng. Thứ hai, Việt Nam đang thúc đẩy chuyển đổi xanh và số hóa, tạo ra các cơ hội phát triển cho tỉnh Bình Định. Thứ ba, các chiến lược phát triển quốc gia tập trung vào các lĩnh vực như thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng, du lịch, và nông nghiệp – những thế mạnh của Bình Định. Tuy nhiên, tỉnh cũng phải đối mặt với thách thức cạnh tranh trong thu hút đầu tư và nhân lực chất lượng cao.

Bối cảnh vùng: Vùng duyên hải Nam Trung Bộ (DHNTB) với lợi thế bờ biển dài 1.430 km, GRDP chiếm 10,2% GDP cả nước, tập trung phát triển kinh tế biển, du lịch, cảng biển, và nông – lâm nghiệp. Thứ hai, các địa phương trong vùng đã đạt được thành tựu đáng kể nhưng mức độ kết nối nội vùng và liên vùng còn hạn chế. Thứ ba, trong thời gian tới, các tỉnh như Quảng Ngãi, Phú Yên, và Gia Lai tiếp tục ưu tiên phát triển du lịch, kinh tế biển, nông nghiệp công nghệ cao và thu hút đầu tư chiến lược.

Triển vọng của Bình Định: Tỉnh có tiềm năng liên kết phát triển với các địa phương lân cận trong hạ tầng giao thông, dịch vụ du lịch, và sản xuất nông – lâm nghiệp, đặc biệt với Gia Lai trong chuỗi giá trị nông sản. Thứ hai, Bình Định phải cạnh tranh mạnh mẽ trong thu hút đầu tư và phát triển dịch vụ cảng biển. Thứ ba, việc nâng cao năng lực cạnh tranh và tận dụng lợi thế địa phương là yếu tố then chốt để tỉnh phát triển bền vững.

Dự báo nhu cầu đầu tư phát triển tỉnh Bình Định đến 2030

a. Căn cứ để dự báo

(1) Các mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 – 2030

Dựa trên Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021–2030 theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg (14/12/2023):

- **Tăng trưởng GRDP:** Bình quân đạt từ 8,5% trở lên (2021–2025: 7–7,5%/năm; 2026–2030: 9,8–10,8%/năm).
- **Tăng trưởng ngành:** Nông nghiệp (3,2–3,3%), công nghiệp – xây dựng (12,2–13,2%), dịch vụ (8,1–8,3%).
- **Cơ cấu kinh tế năm 2030:** Công nghiệp – xây dựng (41,3–43,3%), dịch vụ (34,8–35,9%), nông nghiệp (16,8–17,5%).
- **Kinh tế số:** Chiếm 30% GRDP.
- **Đô thị hóa:** Trên 60%.
- **Tỷ lệ lao động qua đào tạo:** 76% (có chứng chỉ đạt 40%).
- **Hạ tầng số:** Phát triển mạng 4G/5G tại các trung tâm kinh tế.
- **Giao thông:** Đầu tư đồng bộ, hiện đại vào hệ thống giao thông.

(2) Huy động vốn đầu tư thực hiện các đột phá trong các lĩnh vực trụ cột phát triển

Phát triển đô thị và nguồn nhân lực: (i) **Dự án chiến lược:** Trường đại học quốc tế về AI và STEM; khu dân cư xanh tích hợp robot; trung tâm logistics tại Phù Cát; đô thị có ga tàu; (ii) **Đào tạo nhân lực:** Đẩy mạnh các ngành chế biến, du lịch và kỹ năng số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy đô thị hóa.

Công nghiệp chế biến chế tạo: Phát triển sản xuất linh kiện ô tô, bán dẫn, trung tâm được phẩm tại Quy Nhơn, và chế biến hải sản công nghệ cao tại Hoài Nhơn; Dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn tại Phù Mỹ và điện gió ngoài khơi.

Du lịch: Khu nghỉ dưỡng cao cấp: Quy Nhơn – Sông Cầu, Nhơn Lý – Cát Tiến, Phù Mỹ – Hoài Nhơn. **Du lịch sinh thái:** Đàm Thị Nại, vùng núi, và du lịch biển sạch với cơ sở hạ tầng đạt chuẩn. **Hoạt động trải nghiệm:** Đường mòn khám phá, chương trình văn hóa bản sắc, kinh tế đêm, và thể thao biển.

Nông nghiệp: Trang trại hữu cơ: Phát triển mô hình "từ nông trại đến bàn ăn" cho du khách cao cấp. **Công nghệ hiện đại:** Tăng năng suất và giá trị nông nghiệp qua các hợp tác xã và hạ tầng dùng chung.

b. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển cho giai đoạn 2021-2030

Với các căn cứ nêu trên tính toán nhu cầu đầu tư phát triển của tỉnh sẽ khoảng 840 - 900 ngàn tỷ đồng theo giá hiện hành (tương đương với 32-35 tỷ USD theo tỷ giá 25.000 VND/USD).

Trong đó:

Giai đoạn 2021-2025 là 270 ngàn đến 283 ngàn tỷ đồng

Giai đoạn 2026-2030 là 570 đến 617 ngàn tỷ đồng

3.3.2. Các giải pháp sử dụng đầu tư công khuyến khích đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định

3.3.2.1. Giải pháp tái cơ cấu đầu tư công

Mục tiêu của giải pháp

Tái cơ cấu đầu tư công của tỉnh Bình Định giai đoạn 2025-2030 sẽ tập trung vào ba trọng điểm: (i) Kết nối vùng nhằm mở rộng không gian phát triển; (ii) Kết nối tạo động lực cho tăng trưởng; và (iii) Đầu tư vào các ngành, lĩnh vực then chốt cùng với các dự án trọng điểm có sức lan tỏa cao, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu là tạo đột phá trong việc thu hút vốn tư nhân, trong và ngoài nước, theo hình thức đối tác công tư (PPP), đồng thời đảm bảo phát triển cân bằng và hài hòa giữa các vùng lãnh thổ.

Các hoạt động tiến hành tái cơ cấu ĐTC

Thứ nhất, Tái cơ cấu theo nguồn vốn

+ *Đối với nguồn ngân sách nhà nước (vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và vốn từ nguồn thu để lại nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước).*

+ *Đối với các nguồn vốn vay để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (ODA, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước...):* Tỉnh Bình Định sẽ tập trung ưu tiên đầu tư vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, quy mô lớn và hiện đại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

+ *Nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo hình thức đối tác công tư (PPP):* Tỉnh Bình Định sẽ đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công cộng, đặc biệt trong y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, và các dự án hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt tại nông thôn.

Thứ hai, Tái cơ cấu theo cơ cấu lãnh thổ: Đầu tư công tập trung ***tạo hạ tầng giao thông kết nối*** phát triển giữa các vùng theo hướng ưu tiên.

Kết nối Đông Tây qua QL19: Hạ tầng QL19 được nâng cấp, kết nối Tây Nguyên, tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và cảng Quy Nhơn, hình thành hành lang kinh tế Đông - Tây. Đây là huyết mạch thúc đẩy xuất khẩu nông lâm sản và phát triển chuỗi công nghiệp, thương mại dọc tuyến.

Kết nối Nam Bình Định – Bắc Phú Yên qua QL1D: Tuyến QL1D kết nối hai tỉnh, hình thành khu vực đô thị sinh thái, du lịch ven biển, tăng cường dịch vụ, bất động sản, và liên kết vùng hiệu quả.

Kết nối với Gia Lai qua 19B: Phát triển du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn Kon Chư Răng và An Toàn, thúc đẩy bảo tồn tự nhiên và phát triển kinh tế bền vững, tạo việc làm, nâng cao đời sống địa phương.

Thứ ba, Tái cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển các động lực tăng trưởng là chiến lược trọng tâm để thúc đẩy phát triển bền vững của tỉnh Bình Định. Chính sách đầu tư công sẽ tập trung vào việc phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhằm hình thành 02 vùng động lực, 03 cực phát triển và 03 hành lang kinh tế chính.

3.3.2.2. Cải cách quản lý và định hướng đầu tư công

Mục tiêu của giải pháp

Đầu tư công (ĐTC) của tỉnh cần được quản lý chặt chẽ và hiệu quả nhằm đảm bảo tối ưu hóa tác động của mỗi đồng vốn đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế, thể hiện qua mức tăng trưởng GRDP. Việc duy trì và cải thiện hơn nữa hiệu suất của ĐTC sẽ giúp tăng cường tác động tích cực đến các chỉ số kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Trong giai đoạn 2025-2030, việc quản lý tốt ĐTC không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng GRDP mà còn kích thích gia tăng đầu tư tư nhân, tạo ra sự cộng hưởng tích cực giữa đầu tư công và tư nhân. Điều này sẽ hỗ trợ việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường khả năng cạnh tranh của tỉnh và thu hút thêm nguồn vốn từ khu vực tư nhân, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế dài hạn của địa phương

Các hành động cần thực hiện

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và pháp luật liên quan đến đầu tư công. Tỉnh cần rà soát, sửa đổi các quy định thuộc thẩm quyền và nghiêm túc thực hiện các quy định hiện hành. Đối với những vướng mắc trong Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn, cần kiến nghị Trung ương để giải quyết, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong quá trình triển khai các dự án.

Thứ hai, nâng cao chất lượng quản lý đầu tư công. Cần tập trung vào khâu chuẩn bị dự án, quản lý chặt chẽ nguồn vốn dự phòng theo đúng quy định. Minh bạch hóa quy trình quản lý, tăng cường sự tham gia giám sát của cộng đồng và doanh nghiệp. Đồng thời, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý dự án và quản lý rủi ro để đảm bảo tính bền vững của các dự án đầu tư.

Thứ ba, tăng cường công tác theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý các tồn tại, khó khăn. Đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn. Minh bạch thông tin dự án để người dân có quyền giám sát, phản ánh và đòi hỏi trách nhiệm.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Tỉnh cần tập trung phân bổ vốn vào các dự án trọng điểm, kiên quyết thu hồi vốn tạm ứng và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Đồng thời, tăng cường kỷ luật tài chính và giám sát việc sử dụng vốn để đảm bảo hiệu quả tối ưu.

Thứ năm, kiểm soát chất lượng các công trình đầu tư công. Thiết lập quy trình kiểm tra nghiêm ngặt từ thiết kế, thi công đến nghiệm thu công trình. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý chất lượng và xử lý nghiêm các vi phạm nhằm đảm bảo tuổi thọ và an toàn công trình, tối ưu hóa nguồn vốn.

Thứ sáu, phát huy hiệu ứng lan tỏa của đầu tư công. Bình Định cần tập trung đầu tư vào các dự án có khả năng tạo hiệu ứng lan tỏa lớn như giao thông, logistics và công nghệ thông tin. Hoàn thiện QL19, kết nối Tây Nguyên và tam giác phát triển với cảng Quy Nhơn, sẽ thúc đẩy sản xuất, thương mại và tăng trưởng kinh tế bền vững.

Thứ bảy, thúc đẩy năng suất tổng hợp (TFP). Đầu tư công nên tập trung vào giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học – công nghệ. Việc phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo và hạ tầng số như 5G sẽ nâng cao năng suất lao động, giúp doanh nghiệp chuyển đổi số và tăng hiệu quả sản xuất.

Thứ tám, xây dựng chiến lược đầu tư công dài hạn gắn với liên kết vùng. Tỉnh cần ưu tiên phát triển các hành lang kinh tế như QL19 và ĐT.639 để tăng cường kết nối với Tây Nguyên, Phú Yên và Gia Lai. Các hành lang này không chỉ thúc đẩy thương mại và đầu tư liên vùng mà còn tạo cơ hội phát triển đô thị, khu công nghiệp và du lịch sinh thái, nâng cao vai trò của Bình Định trong khu vực.

3.3.2.3. Sử dụng để cải thiện môi trường kinh doanh

Mục tiêu

Cách thức sử dụng đầu tư công vào cải thiện các chỉ số Gia nhập thị trường, Tính minh bạch; Chi phí thời gian và Đào tạo lao động của tỉnh trong thời kỳ 2025-2030.

Các hoạt động cụ thể

(1) Cải thiện chỉ số gia nhập thị trường

Thứ nhất, đặt mục tiêu giảm thời gian đăng ký doanh nghiệp xuống 5 ngày vào năm 2025 và 4 ngày vào năm 2030, cùng với rút ngắn thời gian thay đổi nội dung đăng ký còn 3,5 ngày vào năm 2025 và 3 ngày vào năm 2030.

Thứ hai, xây dựng các văn bản quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Các hướng dẫn này cần bao gồm chuyên môn, biểu mẫu và chế độ báo cáo, hỗ trợ cả hình thức truyền thống và số hóa.

Thứ ba, thúc đẩy chuyển đổi số trong quy trình đăng ký kinh doanh để giảm thời gian xử lý và tăng minh bạch. Đồng thời, tổ chức đào tạo cho cán bộ phụ trách nhằm nâng cao năng lực hỗ trợ doanh nghiệp.

Thứ tư, phát triển và kết nối Hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh với hệ thống đăng ký thuế, giúp chia sẻ thông tin chính xác và giảm sai sót trong quản lý.

Thứ năm, hướng dẫn chi tiết về chế độ thu, nộp và quản lý phí, lệ phí đăng ký kinh doanh, đảm bảo minh bạch tài chính và công khai thông tin.

(2) Cải thiện chỉ số tính minh bạch

Thứ nhất, nâng cao tính minh bạch trong đấu thầu nhằm đảm bảo công bằng và hiệu quả. (i) Tích hợp hệ thống thông tin điện tử và ứng dụng công nghệ Blockchain để quản lý thông tin đấu thầu, ngăn ngừa gian lận và thay đổi thông tin. (ii) Theo dõi, công khai thông báo, kết quả đấu thầu và thông tin dự án trên các nền tảng công khai. (iii) Tổ chức họp giới thiệu yêu cầu đấu thầu và kêu gọi sự tham gia giám sát của cộng đồng. (iv) Giám sát độc lập từ tổ chức bên ngoài để đảm bảo tuân thủ. (v) Thiết lập cơ chế phản hồi giúp người tham gia báo cáo hành vi không minh bạch. (vi) Áp dụng mô hình đấu thầu hai bước, giảm rủi ro và tăng minh bạch.

Thứ hai, cải thiện minh bạch trong quản lý thuế thông qua chuyển đổi số: (i) Xây dựng hệ thống thông tin thuế đầy đủ, tự động đối chiếu dữ liệu và hỗ trợ báo cáo chính xác. (ii) Triển khai phần mềm kế toán hiện đại, chữ ký số, và trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình. (iii) Đào tạo cán bộ thuế nâng cao năng lực sử dụng công nghệ số.

Thứ ba, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, minh bạch hóa thủ tục hành chính, quy hoạch, và các dự án đầu tư trên nền tảng điện tử, đảm bảo người dân dễ dàng tiếp cận thông tin.

(3) Cải thiện chỉ số chi phí thời gian

Thứ nhất, Cắt giảm thời gian làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế xuống còn 7 giờ vào năm 2025 và 6 giờ vào năm 2030.

Thứ hai, việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và thực hiện chính phủ điện tử trong quản trị công đòi hỏi một số bước quan trọng..

(4) Cải thiện chỉ số Đào tạo lao động: Sẽ được giải quyết ở mục dưới đây.

3.3.2.4. Phát triển cơ sở hạ tầng

Mục tiêu của giải pháp

Tập trung đầu tư công phát triển cơ sở hạ tầng chủ yếu tạo điều kiện thúc đẩy 5 lĩnh vực trụ cột của tỉnh trong thời kỳ 2025-2030.

Các hành động cần thực hiện

Sử dụng đầu tư công hợp lý thu hút các nguồn đầu tư tư nhân vào phát triển các lĩnh vực cơ sở hạ tầng.

Thứ nhất, phát triển **hạ tầng giao thông** đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội: (i) Phối hợp với Trung ương quản lý và đầu tư các tuyến quốc lộ, cao tốc, đường sắt, hàng không, hàng hải theo quy hoạch quốc gia, đảm bảo tính liên kết và bền vững. (ii) Ưu tiên xây dựng đường tỉnh kết nối với cao tốc, quốc lộ, các khu kinh tế, cụm công nghiệp và du lịch trọng điểm. Nâng cấp ga Diêu Trì thành ga tổng hợp, phát triển mạng lưới đường sắt

đô thị, và mở rộng Cảng hàng không Phù Cát đạt công suất 5 triệu hành khách/năm vào 2030.

Thứ hai, xây dựng hạ tầng thương mại và logistics đồng bộ: (i) Nâng cấp hệ thống chợ, phát triển siêu thị, trung tâm thương mại và chợ đầu mối. (ii) Xây dựng trung tâm logistics hạng II trên Quốc lộ 19 (30ha) và các cụm logistics tại Phước Lộc và Canh Vinh, phục vụ luồng hàng hóa từ Tây Nguyên và duyên hải miền Trung.

Thứ ba, đầu tư vào hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và khu kinh tế (KKT): (i) Hoàn thiện các KCN như Becamex - VSIP Bình Định, KCN điện tử Hòa Hội, và KCN Cát Trinh. (ii) Nâng cao tỷ lệ lấp đầy các KCN, tăng cường hạ tầng linh hoạt cho phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao.

Thứ tư, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông toàn diện: (i) Đẩy mạnh hạ tầng băng rộng, AI, IoT, an ninh mạng, và thanh toán điện tử. (ii) Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và phát triển hạ tầng số tại các đô thị thông minh như Quy Nhơn, An Nhơn, và Hoài Nhơn.

Thứ năm, nâng cấp hạ tầng giáo dục: (i) Xây dựng mới và cải tạo cơ sở vật chất từ mầm non đến đại học. (ii) Tăng cường đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ sáu, phát triển hạ tầng y tế hiện đại: (i) Nâng cấp cơ sở y tế, tăng số giường bệnh và khuyến khích đầu tư vào bệnh viện chuyên khoa. (ii) Ưu tiên phát triển y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe tại vùng đô thị, công nghiệp.

Thứ bảy, tập trung vào hạ tầng khoa học và công nghệ: (i) Hoàn thiện Khu đô thị Khoa học Quy Hòa, Trung tâm Trí tuệ Nhân tạo và Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp vùng. (ii) Xây dựng Viện Nghiên cứu Vật lý và Trung tâm Nghiên cứu Độc học Môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nghiên cứu khoa học ứng dụng.

Hỗ trợ cung cấp và đào tạo lao động

Mục tiêu của giải pháp

Giải pháp tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương; Giảm chi phí đào tạo bổ sung của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm của tỉnh.

Các hành động cần thực hiện

Thứ nhất, tổ chức các chương trình đào tạo quản trị doanh nghiệp thông qua Hội doanh nhân tỉnh, chi nhánh VCCI Đà Nẵng hoặc câu lạc bộ doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể đặt hàng các chương trình đào tạo này từ các trường đại học, đáp ứng yêu cầu cụ thể của mình. Giải pháp này giúp nâng cao năng lực quản trị kinh doanh và phát triển nguồn nhân lực quản lý chất lượng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thứ hai, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm và tuyển dụng lao động chất lượng cao, đặc biệt là giám đốc điều hành và tài chính. Hội doanh nhân tỉnh, phối hợp với VCCI chi nhánh

Đà Nẵng, có thể kết nối với các công ty tư vấn tuyển dụng uy tín tại Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh, giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực chuyên nghiệp. Ngoài ra, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở giới thiệu việc làm tại địa phương cũng là một giải pháp quan trọng.

Thứ ba, đào tạo lao động có chọn lọc và trọng điểm, đặc biệt trong các ngành cần tiếp nhận và chuyển giao công nghệ. Doanh nghiệp cần xác định danh mục kỹ năng cụ thể, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các trường nghề trong khu vực để tổ chức đào tạo. Các khóa học có thể được tổ chức tại doanh nghiệp hoặc tại trường nghề, với sự tham gia trực tiếp của doanh nghiệp để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đúng yêu cầu thực tế.

Thứ tư, khuyến khích các doanh nghiệp đa quốc gia tham gia vào các chương trình đào tạo lao động tại địa phương, nhằm chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn quản lý tiên tiến. Điều này không chỉ nâng cao kỹ năng lao động mà còn giúp doanh nghiệp trong nước tiếp cận chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Các chương trình này là cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam học hỏi và áp dụng các mô hình quản lý, công nghệ tiên tiến, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Tạo đầu ra và xúc tiến thương mại

Mục tiêu: tập trung giải quyết để xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường và nâng cao năng lực xúc tiến thương mại đang rất bức thiết với doanh nghiệp hiện nay.

Các hoạt động cụ thể: (cách tiếp cận sử dụng chỉ tiêu công hay đầu tư công)

Thứ nhất, xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường cho doanh nghiệp: Chính quyền tỉnh cần tập trung vào thu thập, xây dựng và quản lý một cơ sở dữ liệu thị trường toàn diện. Điều này giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành công nghiệp, nhu cầu thị trường và đối thủ cạnh tranh. Cụ thể, việc thu thập dữ liệu từ khảo sát, báo cáo thị trường và các nguồn quốc tế cần được thực hiện đồng bộ bởi các cơ quan như Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông. Cơ sở dữ liệu này sẽ được tích hợp trên nền tảng trực tuyến, kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia, giúp doanh nghiệp tra cứu thông tin nhanh chóng. Ngoài ra, cần đầu tư phát triển các công cụ phân tích dữ liệu và tổ chức đào tạo cho doanh nghiệp sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu này.

Thứ hai, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp: Bình Định cần tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, đặc biệt là cảng Quy Nhơn và hạ tầng logistics, để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm đặc trưng như thủy sản, gỗ mỹ nghệ, và nông sản. Chính quyền cần đẩy mạnh thương mại điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website, hệ thống thanh toán và logistics đồng bộ. Việc tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về xuất khẩu, tiêu chuẩn quốc tế và đàm phán thương mại sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao kỹ năng cạnh tranh. Ngoài ra, hợp tác với các tổ chức quốc tế để tài trợ chi phí tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế cũng là giải pháp hữu hiệu nhằm mở rộng thị trường và tăng cường liên kết quốc tế.

Thứ ba, hỗ trợ xây dựng chiến lược marketing cho doanh nghiệp: Chính quyền cần hỗ trợ doanh nghiệp phân tích thị trường, xác định khách hàng mục tiêu

và xây dựng thương hiệu mạnh cho các sản phẩm chủ lực. Phát triển kênh phân phối truyền thống và kỹ thuật số, kết hợp với thương mại điện tử, là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường toàn cầu. Đào tạo kỹ năng marketing quốc tế và tiếp thị số sẽ giúp doanh nghiệp tự tin triển khai chiến lược marketing hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước.

Thứ tư, nâng cao hiểu biết về pháp luật kinh doanh trong bối cảnh hội nhập: Triển khai các chương trình hỗ trợ pháp lý như tổ chức hội thảo, khóa đào tạo chuyên sâu về luật kinh doanh quốc tế, quy định thương mại, và các hiệp định FTA mà Việt Nam tham gia. Cần xây dựng cổng thông tin điện tử để doanh nghiệp dễ dàng cập nhật thông tin pháp lý. Chính quyền nên cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý thường xuyên để hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết tranh chấp, quản lý hợp đồng và hạn chế rủi ro pháp lý. .

Hỗ trợ khởi nghiệp

Mục tiêu: Tập trung các Ưu tiên hỗ trợ khởi nghiệp thuộc 5 lĩnh vực trụ cột của tỉnh; Tập trung cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV, nhất là năng lực cốt lõi như

Các giải pháp hỗ trợ

(1) Hỗ trợ nâng cao nhóm năng lực tài chính, nhân lực, công nghệ, nguồn cung nguyên liệu...

a. Giải pháp hỗ trợ nguồn cung nguyên liệu

Thứ nhất, thành lập nhóm hỗ trợ thông tin thị trường nguyên liệu: Sở Công Thương phối hợp với Hội Doanh nhân tỉnh và Hội Doanh nhân trẻ thành lập nhóm chuyên hỗ trợ thông tin về thị trường nguyên liệu. Nhóm sẽ kết nối các cơ sở, công ty và doanh nghiệp tư vấn thông tin thị trường trong và ngoài tỉnh. Doanh nghiệp có thể đặt hàng thông tin qua nhóm này, với chi phí được thỏa thuận dựa trên cơ chế thị trường, đảm bảo tính hiệu quả và trách nhiệm của cả hai bên. Đồng thời, nhóm cần cải thiện cơ sở dữ liệu nhà cung ứng, bao gồm đánh giá chất lượng, liên kết với công ty đa quốc gia và đăng tải thông tin trực tuyến.

Thứ hai, tổ chức tập huấn chuyên môn: Sở Công Thương, Hội Doanh nhân tỉnh và VCCI chi nhánh Đà Nẵng phối hợp tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng tìm kiếm thông tin thị trường cho DNNVV. Các chuyên gia từ Bộ Công Thương, VCCI Việt Nam, hoặc các giám đốc doanh nghiệp lớn sẽ được mời để báo cáo và đào tạo, giúp nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong việc tìm kiếm, phân tích thông tin thị trường.

Thứ ba, công khai thông tin qua Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Văn phòng UBND tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành để công khai, cập nhật thông tin về chính sách hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh. Điều này giúp DNNVV tiếp cận thông tin một cách minh bạch và thuận lợi hơn.

b. Giải pháp hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: (Nội dung này đã trình bày ở trên)

c. Giải pháp hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh

Các doanh nghiệp quan tâm nhất tới 2 hoạt động hỗ trợ (i) Hỗ trợ lãi suất vay vốn và (ii) Được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV.

Để có thể hỗ trợ DN tỉnh giải quyết vấn đề này cần thực hiện: *Thứ nhất*, huy động các Quỹ Đầu tư Phát triển; Quỹ hỗ trợ phát triển HTX; Quỹ Phát triển KHCN ...hỗ trợ các DN; *Thứ hai*, Kết nối tháo gỡ những khó khăn về vốn vay cho DN, nhất là với các Ngân hàng thương mại, các DNNVV đều khó tiếp cận do doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện vay như không có hoặc/thiếu tài sản đảm bảo. Trong trường hợp này các thủ tục liên quan tới quyền sử dụng đất của DN được cải thiện cũng giúp họ giải quyết vấn đề này; *Thứ ba*, Tiếp tục thực hiện tốt việc hỗ trợ DN tiếp cận Quỹ Phát triển DNNVV của Trung ương.

d. Giải pháp hỗ trợ cải thiện công nghệ sản xuất

Các hoạt động cần thực hiện như sau:

Thứ nhất, lập nhóm hỗ trợ thông tin về kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Hội Doanh nhân tỉnh thành lập nhóm hỗ trợ thông tin về kỹ thuật, công nghệ sản xuất và công nghệ số. Nhóm này sẽ tập hợp các công ty và cơ sở tư vấn trong và ngoài tỉnh, tiếp nhận nhu cầu thông tin của doanh nghiệp và cung cấp theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp sẽ đặt hàng và thanh toán dịch vụ, đảm bảo hiệu quả và trách nhiệm từ cả hai bên.

Thứ hai, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các quỹ phát triển: Tỉnh cần tạo điều kiện để DNNVV tiếp cận các quỹ Trung ương như Quỹ Phát triển KHCN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ Khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, kiến nghị Trung ương điều chỉnh mức hỗ trợ tài chính phù hợp hơn với các doanh nghiệp hội nhập quốc tế.

Thứ ba, nâng cao nhận thức về cải tiến kỹ thuật và chuyển đổi số: Doanh nghiệp cần được tư vấn tổ chức lại hoạt động, xây dựng dữ liệu khách hàng, ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất, tự động hóa một phần hoặc toàn bộ quy trình sản xuất, và tăng cường quảng bá sản phẩm trên các nền tảng trực tuyến.

Thứ tư, cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ hiện có: Tỉnh tiếp tục thúc đẩy các chương trình ưu đãi, kết nối doanh nghiệp với các nhà cung cấp công nghệ, hỗ trợ tìm hiểu pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ số.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp: Học tập kinh nghiệm từ Đà Nẵng, Sở Thông tin và Truyền thông cần xây dựng bộ phận tư vấn hỗ trợ chuyển đổi số qua cổng thông tin điện tử, giúp doanh nghiệp tận dụng thương mại điện tử trong xuất khẩu.

(2) Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị kinh doanh của doanh nghiệp

Thứ nhất, lập nhóm hỗ trợ thông tin về kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số: Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Hội Doanh nhân tỉnh thành lập nhóm hỗ trợ thông tin về kỹ thuật, công nghệ sản xuất và công nghệ số. Nhóm này sẽ tập hợp các công ty và

cơ sở tư vấn trong và ngoài tỉnh, tiếp nhận nhu cầu thông tin của doanh nghiệp và cung cấp theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp sẽ đặt hàng và thanh toán dịch vụ, đảm bảo hiệu quả và trách nhiệm từ cả hai bên.

Thứ hai, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các quỹ phát triển: Tỉnh cần tạo điều kiện để DNNVV tiếp cận các quỹ Trung ương như Quỹ Phát triển KHCN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ Khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, kiến nghị Trung ương điều chỉnh mức hỗ trợ tài chính phù hợp hơn với các doanh nghiệp hội nhập quốc tế.

Thứ ba, nâng cao nhận thức về cải tiến kỹ thuật và chuyển đổi số: Doanh nghiệp cần được tư vấn tổ chức lại hoạt động, xây dựng dữ liệu khách hàng, ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất, tự động hóa một phần hoặc toàn bộ quy trình sản xuất, và tăng cường quảng bá sản phẩm trên các nền tảng trực tuyến.

Thứ tư, cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ hiện có: Tỉnh tiếp tục thúc đẩy các chương trình ưu đãi, kết nối doanh nghiệp với các nhà cung cấp công nghệ, hỗ trợ tìm hiểu pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ số.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp: Học tập kinh nghiệm từ Đà Nẵng, Sở Thông tin và Truyền thông cần xây dựng bộ phận tư vấn hỗ trợ chuyển đổi số qua cổng thông tin điện tử, giúp doanh nghiệp tận dụng thương mại điện tử trong xuất khẩu.

(3) Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sử dụng ngân sách hỗ trợ phát lý cho DNNVV theo tinh thần thực hiện Nghị Định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV; Nghị định 55/2019/NĐ-CP ngày 26/04/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định Số: 910/QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định về Phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Thứ nhất, đầu tư công có tác động tích cực đến tăng trưởng GRDP của tỉnh Bình Định, đặc biệt trong trung và dài hạn. Các kết quả hồi quy cho thấy mối quan hệ đồng biến giữa đầu tư công và tăng trưởng kinh tế, song mức độ tác động còn hạn chế, phản ánh hiệu quả đầu tư công chưa thật sự tối ưu.

Thứ hai, tác động của đầu tư công đến đầu tư tư nhân là không đồng nhất theo thời gian. Trong ngắn hạn, đầu tư công đóng vai trò hỗ trợ phát triển hạ tầng, từ đó khuyến khích doanh nghiệp đầu tư. Tuy nhiên, về dài hạn có xuất hiện "hiệu ứng lấn át", nhất là khi đầu tư công tập trung quá mức vào các lĩnh vực mà tư nhân cũng có thể tham gia.

Thứ ba, tác động của đầu tư công đến năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) còn thấp. Phần lớn đầu tư công hiện nay chủ yếu vào kết cấu hạ tầng, trong khi đầu tư cho vốn con người, khoa học – công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế. Do đó, chưa hình thành được động lực cải thiện năng suất tổng thể cho nền kinh tế.

Thứ tư, hiệu quả đầu tư công chưa đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực và địa bàn. Một số dự án có tỷ lệ giải ngân cao nhưng hiệu quả kinh tế – xã hội còn thấp, chưa tạo ra liên kết mạnh với khu vực tư nhân hoặc nâng cao năng suất dài hạn.

Thứ năm, cơ chế phối hợp giữa đầu tư công và đầu tư tư nhân còn thiếu đồng bộ. Việc thiếu sự liên kết giữa quy hoạch đầu tư công và chiến lược phát triển doanh nghiệp, cùng với sự thiếu hụt dữ liệu giám sát TFP cấp địa phương, đã hạn chế khả năng dẫn dắt và tạo lan tỏa của đầu tư công.

2. KIẾN NGHỊ

2.1. Kiến nghị với Trung ương

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và khung pháp lý về đầu tư công theo hướng:

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, gắn với tăng cường giám sát và minh bạch trách nhiệm giải trình.
- Sửa đổi các quy định còn chồng chéo về quy hoạch, đầu tư công, đầu tư tư nhân và đầu tư theo hình thức PPP.
- Tạo cơ chế linh hoạt hơn trong chuyển đổi kế hoạch vốn, đảm bảo giải ngân hiệu quả và phù hợp thực tế địa phương.

Thứ hai, tăng cường định hướng chiến lược đầu tư công để:

- Khuyến khích liên kết vùng và đầu tư vào hạ tầng kết nối liên tỉnh, liên khu vực.
- Ưu tiên vốn cho những dự án có khả năng dẫn dắt ĐTTN và cải thiện TFP như hạ tầng logistics, chuyển đổi số, R&D và giáo dục - đào tạo.

Thứ ba, cải thiện môi trường đầu tư chung:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp.

- Triển khai các cơ chế tín dụng ưu đãi và thị trường vốn cho doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

2.2. Kiến nghị với tỉnh Bình Định

Thứ nhất, ưu tiên sử dụng đầu tư công có chọn lọc vào các lĩnh vực:

- Hạ tầng giao thông và logistics để giảm chi phí vận chuyển, tạo thuận lợi cho sản xuất và thương mại.
- Giáo dục nghề nghiệp và R&D nhằm nâng cao chất lượng lao động và TFP.
- Chuyển đổi số và xây dựng dữ liệu số phục vụ quản lý và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Thứ hai, xây dựng cơ chế sử dụng ĐTC để dẫn dắt và kích thích ĐTTN:

- Ưu tiên các dự án có tính lan tỏa cao, tạo không gian và động lực cho đầu tư tư nhân.
- Thực hiện phân tích tiền khả thi rõ ràng về hiệu quả lan tỏa của dự án đầu tư công đến khu vực tư nhân và tăng trưởng GRDP.
- Phát triển các mô hình hợp tác công – tư (PPP), đặc biệt trong y tế, giáo dục, năng lượng tái tạo và đô thị thông minh.

Thứ ba, tăng cường hiệu quả quản lý, giám sát đầu tư công:

- Ứng dụng công nghệ số và cơ sở dữ liệu để giám sát tiến độ, chi phí và hiệu quả đầu tư theo thời gian thực.
- Định kỳ đánh giá tác động của đầu tư công tới GRDP, ĐTTN và TFP để có điều chỉnh phù hợp.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực và năng lực thể chế địa phương:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ về lập kế hoạch, phân tích đầu tư và giám sát hiệu quả của ĐTC.
- Nâng cao năng lực thống kê, đo lường TFP và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh.